

VN-Index giảm 1,5%

Ngày báo cáo

13/8/2026

Phòng Nghiên cứu & Phân tích

research@vietcap.com.vn

+8428 3914 3588

Điểm nhấn thị trường

VN-Index giảm 1,5%

VN-Index giảm 1,5% (-27,6 điểm) trong phiên thứ Năm, đóng cửa tại 1.765,6 điểm. Áp lực bán mạnh xuất hiện ở tất cả các nhóm ngành, ngoại trừ nhóm Hàng tiêu dùng (+0,3%). Toàn sàn ghi nhận 90 mã tăng, 229 mã giảm và 60 mã đi ngang. Thanh khoản tăng đáng kể so với phiên trước, đạt 18,7 nghìn tỷ đồng.

- Các cổ phiếu liên quan đến Vingroup diễn biến tiêu cực khi VIC (-3,5%), VHM (-2,7%), VRE (-3,3%) và VPL (-1,8%) giảm mạnh.
- Các cổ phiếu ngân hàng BID (-1,0%), MBB (-1,5%), VPB (-1,4%), STB (-1,3%), HDB (-1,8%) và ACB (-2,4%) đồng loạt giảm.
- Các công ty dịch vụ tài chính TCX (-1,2%), VCK (-4,2%), SSI (-1,2%), VPX (-1,7%) và HCM (-1,7%) giảm sâu.
- Các mã giảm đáng chú ý ở các ngành khác bao gồm nhà sản xuất thép HPG (-1,8%), các công ty tiện ích GAS (-2,6%), POW (-1,8%) và REE (-1,2%), công ty công nghệ FPT (-2,3%), cùng các công ty công nghiệp GEE (-5,0%), GEX (-2,9%) và GEL (-4,7%).

Điểm tin & Nhận định nhanh

- Ngành ô tô: Doanh số bán xe du lịch tháng 7 tiếp tục được dẫn dắt bởi VinFast
- VIC dự kiến phát hành trái phiếu bằng đồng Won Hàn Quốc với tổng giá trị tối đa 455 tỷ Won (~8,4 nghìn tỷ đồng)
- DGC: Hoạt động kinh doanh vẫn ổn định; Nghi Sơn cam kết tiến độ chạy thử trong quý 4/2026; áp lực chi phí tạo rủi ro giảm đối với dự báo lợi nhuận - Báo cáo ĐHCĐ
- DatVietVAC: Mở rộng doanh thu trực tiếp tới người tiêu dùng (D2C) dự kiến hỗ trợ kế hoạch tăng trưởng kép LNST trước lợi ích CĐTĐ đạt 16% giai đoạn 2025-2030 - Báo cáo Gặp gỡ NĐT
- VCB: Triển vọng tăng trưởng lợi nhuận khả quan nhờ nhu cầu tín dụng doanh nghiệp tích cực và NIM phục hồi - Báo cáo Gặp gỡ NĐT

Báo cáo trong ngày

- IDC: Quỹ đất lớn hỗ trợ đà phục hồi; cổ tức hấp dẫn - Cập nhật
- PVT: Giá thuê tàu duy trì ở mức cao thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận mạnh - Cập nhật

Dữ liệu thị trường

	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	1.765,6	283,3	128,1
% Δ	-1,5%	-1,8%	0,4%
- % Δ 1 tuần	0,0%	-3,2%	1,0%
- % YTD	-1,1%	13,1%	6,1%
- % YOY	9,6%	1,3%	17,0%
GTGD			
- Hôm nay (triệu)	715,3	39,5	13,7
- TB 1 tháng (triệu)	677,6	36,1	14,6
- TB 1 năm (triệu)	1.050,3	68,9	26,7
- TB QTD	678,3	39,2	15,7
- % TB QTD/TB quý gần nhất	-20,2%	-12,8%	-22,6%
Khối ngoại			
- Mua (triệu)	87,1	1,1	0,8
- Bán (triệu)	109,0	1,0	0,3
- GT ròng (triệu)	-21,9	0,1	0,5
Độ rộng TT			
Mã tăng	88	57	132
Mã giảm	236	84	133
Không đổi	100	160	583
Chỉ số chính			
GT vốn hóa (tỷ)	325,6	18,3	50,6
P/E trượt 12T	12,0	10,4	14,3
LS cổ tức*	2,6%	5,1%	3,3%
Giao dịch			
Phái sinh	Giá	KL mở cửa	GTGD (tr USD)
VN30F1M	1.901,1	33.220	1.603,04
VN30F2M	1.905,3	3.343	5,78
VN30F1Q	1.903,0	836	0,42
VN30F2Q	1.907,9	219	0,34
VN100F1M	1.825,1	48	0,24
VN100F2M	1.855,9	12	0,00
VN100F1Q	1.800,6	25	0,03
VN100F2Q	1.825,9	14	0,02
USD/VND		26.125	

Nguồn: Fiinpro, HSX, HNX

*Phương pháp của Fiinpro được tính toán dựa trên các công ty đã chi trả cổ tức cho năm hiện tại, thay vì toàn bộ VN-Index. Theo Bloomberg, lợi suất cổ tức 12 tháng tổng hợp cho VN-Index tính đến ngày 30/5 là 1.84%.

Quan điểm kỹ thuật

Về mặt kỹ thuật, áp lực điều chỉnh tại vùng 1.800 điểm khiến VN-Index đánh mất hỗ trợ 1.775 điểm, qua đó xác nhận sự áp đảo của quán tính giảm ngắn hạn. Do đó, chỉ số nhiều khả năng chịu thêm nhịp điều chỉnh về vùng hỗ trợ quan trọng 1.740 điểm trong các phiên tới.

Các nhà đầu tư có thể theo dõi tín hiệu kỹ thuật của Top 15 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến VN-Index, Top 10 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến HNX-Index và UpCom Index; cũng như của một số các cổ phiếu đầu cơ do Vietcap lựa chọn.

Để tải về báo cáo chi tiết, xin vui lòng nhấn vào [đây](#).

Điểm tin & Nhận định nhanh

Ngành ô tô: Doanh số bán xe du lịch tháng 7 tiếp tục được dẫn dắt bởi VinFast

* Theo số liệu từ Hiệp hội Các nhà Sản xuất Ô tô Việt Nam (VAMA), Hyundai Thành Công và VinFast (VFS), tổng doanh số xe du lịch (bao gồm VinFast) trong tháng 7 đã tăng 35% YoY, chủ yếu nhờ đà tăng doanh số mạnh mẽ từ VinFast. Trong khi đó, doanh số xe du lịch sử dụng động cơ đốt trong (ICE), bao gồm xe hybrid, đã tăng 10% YoY, nhờ được thúc đẩy bởi đà tăng trưởng của Thaco (+8% YoY) và Mitsubishi (+4% YoY). Ngược lại, phần lớn các hãng xe lớn khác đều ghi nhận doanh số đi ngang hoặc giảm, như Honda (-19% YoY), Hyundai (-12% YoY), Ford (-9% YoY) và Toyota (-1% YoY). Diễn biến này cho thấy sự cạnh tranh ngày càng gay gắt hơn giữa các hãng xe, trong bối cảnh quá trình chuyển đổi sang phương tiện xanh đang diễn ra ngày một nhanh chóng, thể hiện qua đà tăng trưởng mạnh mẽ của VinFast (+90% YoY) và các dòng xe hybrid (+38% YoY).

* Chúng tôi cũng lưu ý rằng xu hướng khuyến mãi mạnh vẫn đang tiếp tục diễn ra trên toàn thị trường, nổi bật là chính sách hỗ trợ 50%-100% lệ phí trước bạ và giảm giá trực tiếp lên đến 10%-20%. Theo chúng tôi, xu hướng này chủ yếu xuất phát từ: (1) sự gia nhập của các thương hiệu Trung Quốc như BYD, MG, Lynk & Co và Geely với các mẫu xe có mức giá cạnh tranh, cùng với các dòng xe điện cỡ nhỏ và siêu nhỏ của VinFast, qua đó kéo giảm mặt bằng giá sàn trên thị trường; và (2) việc các đại lý đẩy mạnh giải phóng hàng tồn kho, đặc biệt là các mẫu xe đời 2024-2025 còn tồn lại do sức tiêu thụ yếu trong giai đoạn trước. Theo quan điểm của chúng tôi, cường độ khuyến mại cao cũng phần nào lý giải sự biến động của doanh số theo tháng trong năm 2026.

* Doanh số xe máy của Honda đã giảm 9% YoY trong tháng 7, qua đó cho thấy danh mục xe máy ICE phổ thông của Honda đang tiếp tục chịu áp lực lớn trước sự thâm nhập ngày càng tăng của xe máy điện/hybrid và các dòng xe ô tô điện mini giá rẻ – vốn đang trở thành những giải pháp thay thế khả thi cho nhu cầu di chuyển trong đô thị.

* Trong 7 tháng đầu năm 2026 (7T 2026), doanh số xe du lịch ICE đã ghi nhận mức tăng trưởng khiêm tốn 8% YoY (hoàn thành 59% dự báo cả năm của chúng tôi và nhìn chung bám sát kỳ vọng). Bên cạnh đó, các hãng xe ICE đang ngày càng dựa vào dòng xe hybrid như một động lực tăng trưởng chính lẫn lộ trình chuyển đổi hướng tới mục tiêu điện hóa, với doanh số xe hybrid tăng 83% YoY trong 7T 2026. Trong khi đó, doanh số xe máy của Honda đã ghi nhận mức đi ngang so với cùng kỳ, và hoàn thành 70% dự báo cả năm của chúng tôi.

Doanh số bán xe tại Việt Nam trong 7T 2026

Đơn vị	T7/2026	YoY	MoM	7T 2026	YoY
Ngành ô tô					
Tổng doanh số bán ô tô (xe du lịch và xe thương mại)	59.031	26%	12%	387.849	29%
Xe du lịch và VinFast ¹	49.289	35%	19%	307.754	30%
Xe du lịch động cơ đốt trong (ICE)	27.508	10%	17%	170.057	8%
* Xe du lịch hybrid	1.636	38%	-30%	12.501	83%
Doanh số bán ô tô của các nhà sản xuất chính²					
Toyota	6.361	-1%	11%	39.049	12%
Honda	2.129	-19%	6%	13.434	-2%
Ford	1.835	-9%	14%	14.150	10%
Thaco	5.689	8%	6%	38.530	12%
Hyundai	2.318	-12%	-6%	20.058	-3%
Mitsubishi	3.075	4%	5%	23.152	37%
VinFast ¹	21.781	90%	21%	137.697	74%
Doanh số bán xe máy					
Honda	179.641	-9%	4%	1.308.307	0%

Nguồn: VAMA, Hyundai Thành Công, VinFast, ước tính của Vietcap; ¹ Số lượng xe điện bàn giao của VinFast bao gồm cả bán buôn và bán lẻ, đồng thời có đóng góp nhỏ từ các dòng xe thương mại (ví dụ: EC Van). ² Chỉ tính xe du lịch, không bao gồm xe bán tải (ví dụ: Ford Ranger, Toyota Hilux, Mitsubishi Triton) theo phân loại của VAMA.

VIC dự kiến phát hành trái phiếu bằng đồng Won Hàn Quốc với tổng giá trị tối đa 455 tỷ Won (~8,4 nghìn tỷ đồng)

- Chi tiết kế hoạch phát hành:
- Loại trái phiếu: Trái phiếu trơn, bằng đồng Won Hàn Quốc.
 - Giá trị phát hành: Tối đa 455 tỷ Won (~8,4 nghìn tỷ đồng).
 - Lãi suất coupon: Cố định, tối đa 8%/năm, tùy thuộc điều kiện thị trường vào thời điểm phát hành.
 - Kỳ hạn: 3 năm.
 - Thị trường phát hành: Phát hành riêng lẻ cho các nhà đầu tư tại Hàn Quốc.
 - Thời gian phát hành: Dự kiến trong Q3-Q4/2026, tùy thuộc điều kiện thị trường và phê duyệt theo quy định.

DGC: Hoạt động kinh doanh vẫn ổn định; Nghi Sơn cam kết tiến độ chạy thử trong quý 4/2026; áp lực chi phí tạo rủi ro giảm đối với dự báo lợi nhuận - Báo cáo ĐHCĐ

Chúng tôi đã tham dự ĐHCĐ thường niên của CTCP Tập đoàn Hóa chất Đức Giang (DGC) vào ngày 13/08 và ghi nhận được các nội dung chính như sau:

Hoạt động của DGC nhìn chung vẫn diễn ra bình thường trong bối cảnh xảy ra các vấn đề pháp lý và quản trị gần đây, khi các bộ phận kỹ thuật và vận hành tiếp tục làm việc như thường lệ và các dự án trọng điểm vẫn đang tiến triển. Ban lãnh đạo đã đảm bảo đủ nguồn cung quặng apatit đến hết quý 1/2027 và tái khẳng định kế hoạch chạy thử tổ hợp hóa chất Nghi Sơn trong quý 4/2026, đồng thời tiếp tục tinh gọn các mảng kinh doanh ngoài cốt lõi. Tuy nhiên, lợi nhuận ngắn hạn vẫn chịu áp lực từ chi phí đầu vào ở mức cao, với kế hoạch LNST sau lợi ích CĐTTS năm 2026 chỉ tương đương 79% dự báo của chúng tôi. Do đó, chúng tôi nhận thấy rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo lợi nhuận năm 2026 của chúng tôi, dù vẫn cần thêm đánh giá chi tiết.

1. Kế hoạch năm 2026

- Doanh thu: 10,1 nghìn tỷ đồng (-10% YoY; tương đương 96% dự báo năm 2026 của chúng tôi)
- LNST sau lợi ích CĐTS: 1,6 nghìn tỷ đồng (-49% YoY; tương đương 79% dự báo năm 2026 của chúng tôi)
- Trong khi kế hoạch doanh thu nhìn chung phù hợp với dự báo của chúng tôi, kế hoạch LNST sau lợi ích CĐTS lại thấp hơn đáng kể so với dự báo của chúng tôi, mà chúng tôi cho là do chi phí cao hơn dự kiến. Chúng tôi nhận thấy rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo của chúng tôi, dù vẫn cần thêm đánh giá chi tiết.

2. Cập nhật các dự án và động lực tăng trưởng:

- **Màng photpho:** DGC đã đảm bảo đủ nguồn cung apatit đến hết quý 1/2027. Theo ban lãnh đạo, các hợp đồng mua đã được ký kết và các lô hàng đang chờ giao. Về dài hạn, DGC dự kiến đa dạng hóa nguồn apatit nhập khẩu ngoài Ai Cập sang các nhà cung cấp tiềm năng tại Morocco và Kazakhstan khi quặng trong nước ngày càng khan hiếm và có chất lượng thấp hơn.

- **Màng xút - clo:** Ban lãnh đạo tái khẳng định kế hoạch chạy thử tổ hợp hóa chất Nghi Sơn trong quý 4/2026. Theo ban lãnh đạo, toàn bộ phần xây dựng cơ bản đã hoàn thành, trong khi công tác lắp đặt thiết bị đã hoàn thành khoảng 90%. Ban lãnh đạo cho biết việc chậm tiến độ trước đó chủ yếu do khó khăn trong công tác nhập khẩu thiết bị, đặc biệt là các thủ tục phê duyệt xuất khẩu kéo dài, và vấn đề này hiện đã được giải quyết.

- **Màng pin:** Ban lãnh đạo cho biết nhu cầu đối với pin ắc quy truyền thống đang suy giảm, trong khi pin lithium, hệ thống lưu trữ năng lượng và các sản phẩm lưu trữ liên quan đến điện mặt trời lại tăng trưởng mạnh. Do đó, DGC dự định tiếp tục nghiên cứu các lĩnh vực này, nhưng cũng nhấn mạnh lợi thế về quy mô, công nghệ và chuỗi cung ứng của các nhà sản xuất Trung Quốc, cùng với việc các doanh nghiệp pin Trung Quốc đang gia tăng đầu tư vào miền Bắc Việt Nam.

- **Màng bất động sản:** DGC vẫn tiếp tục theo đuổi dự án BDS, mặc dù việc tái cơ cấu bộ máy hành chính tại các cơ quan liên quan đã khiến các thủ tục xin giấy phép bị chậm lại. Ban lãnh đạo cho biết công ty có đủ năng lực tài chính để đẩy nhanh tiến độ xây dựng, nhưng mức lãi suất cho vay mua nhà hiện tại (khoảng 14%) có phần kém hấp dẫn và có thể ảnh hưởng đến khả năng chi trả của người mua nhà. Do đó, DGC sẽ cân đối tiến độ phát triển với nhu cầu thị trường và điều chỉnh tiến độ dự án tương ứng.

- **Màng ethanol:** DGC đã tìm được đối tác mua nhà máy ethanol và đặt mục tiêu hoàn tất thoái vốn trong năm 2026. Ban lãnh đạo cho biết hai bên đang đàm phán hợp đồng chuyển nhượng và DGC sẽ công bố thông tin về giao dịch này trong báo cáo tài chính quý gần nhất sau khi ký kết. Ban lãnh đạo cho biết ethanol không thuộc năng lực cốt lõi của DGC và ethanol nhập khẩu từ Mỹ hiện đã có giá thấp hơn đáng kể so với sản xuất trong nước, qua đó làm giảm mức độ hấp dẫn của việc vận hành màng kinh doanh này bất chấp định hướng thúc đẩy nhiên liệu sinh học của Chính phủ. Mặc dù nhà máy vẫn có thể hoạt động có lãi, nhưng mức sinh lời kỳ vọng là chưa đủ hấp dẫn để DGC tiếp tục phân bổ vốn và nguồn lực quản trị cho màng này.

- Các ưu tiên đầu tư khác bao gồm việc mở rộng công suất sản xuất photpho có độ tinh khiết cao và axit photphoric cấp điện tử/bán dẫn, nâng cấp nhà máy chất tẩy rửa Hưng Yên, mở rộng kho dung môi Đình Vũ, và tăng công suất tái chế thạch cao phosphogypsum.

3. Phân phối lợi nhuận

- Cổ tức năm 2025: 80% bằng tiền mặt, tương đương 8.000 đồng/cổ phiếu (lợi suất cổ tức 18%). DGC đã chi trả 3.000 đồng/cổ phiếu và dự định sẽ phân phối phần 5.000 đồng/cổ phiếu còn lại trong thời gian sắp tới.
- Cổ tức năm 2026: 30% bằng tiền mặt và/hoặc bằng cổ phiếu (lợi suất cổ tức 6,8%).

4. Kiện toàn HĐQT và hoạt động quản trị

- ĐHCĐ đã thông qua việc miễn nhiệm hai thành viên HĐQT là Lưu Bách Đạt và Nguyễn Quốc Trung sau khi hai cá nhân này bị các cơ quan chức năng khởi tố. DGC sau đó đã bầu ông Đỗ Văn Đông và ông Đào Đức Mạnh làm thành viên HĐQT cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2024-2029. Trước khi được bầu, ông Đỗ Văn Đông giữ vị trí Phó Trưởng phòng Dự án của DGC, trong khi ông Đào Đức Mạnh là chuyên viên và Trưởng phòng Xuất nhập khẩu của DGC.

- DGC dự kiến sẽ tinh gọn cơ cấu quản trị cấp cao và người đại diện theo pháp luật, bao gồm giảm số lượng người đại diện theo pháp luật từ ba xuống một, với Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật duy nhất, và bỏ vị trí Phó Chủ tịch HĐQT. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

DatVietVAC: Mở rộng doanh thu trực tiếp tới người tiêu dùng (D2C) dự kiến hỗ trợ kế hoạch tăng trưởng kép LNST trước lợi ích CĐTS đạt 16% giai đoạn 2025-2030 - Báo cáo Gặp gỡ HĐQT

Chúng tôi đã tham dự các buổi giới thiệu cơ hội đầu tư vào cổ phiếu (roadshow) của CTCP DatViet VAC Group Holdings (DatVietVAC/DVV) tại TP. HCM và Hà Nội trong các ngày 11-12/08/2026. Ban lãnh đạo đã thảo luận về KQKD nửa đầu năm 2026 (6T 2026), các mục tiêu giai đoạn 2026-2030, chiến lược phát triển và giải đáp các thắc mắc từ nhà đầu tư.

1. KQKD 6T 2026 & Kế hoạch năm 2026:

*** KQKD 6T 2026:**

- Doanh thu thuần đạt 1.366 tỷ đồng (-7% YoY; hoàn thành 40% kế hoạch năm 2026) và LNST trước lợi ích CĐTS đạt 135 tỷ đồng (+5% YoY; hoàn thành 32% kế hoạch năm 2026).

- DVV vận hành hai mảng kinh doanh chính: nội dung và dịch vụ truyền thông (mảng kinh doanh có biên lợi nhuận thấp hơn). Doanh thu thuần giảm 7% YoY chủ yếu do doanh thu dịch vụ truyền thông giảm 12% YoY, trong khi doanh thu nội dung nhìn chung đi ngang (+1% YoY). Tuy nhiên, biên lợi nhuận gộp cải thiện nhẹ của biên lợi nhuận gộp mảng dịch vụ truyền thông cùng với việc tối ưu hóa chi phí SG&A đã hỗ trợ mức tăng trưởng 5% YoY của LNST trước lợi ích CĐTS.

*** Kế hoạch 2026:**

- Theo kịch bản cơ sở, DVV đặt mục tiêu doanh thu thuần đạt 3.382 tỷ đồng (+6% YoY) và LNST trước lợi ích CĐTS đạt 420 tỷ đồng (+11% YoY).

- Dựa trên KQKD 6T 2026, ban lãnh đạo tiếp tục duy trì cam kết đối với các mục tiêu trong kịch bản cơ sở năm 2026, nhờ vào: (1) tính mùa vụ, khi các hoạt động giải trí và ngân sách marketing của nhãn hàng thường tập trung vào 6T cuối năm; (2) số lượng chương trình và concert trong 6T cuối năm nhiều hơn so với 6T đầu năm; và (3) tiến độ kêu gọi tài trợ tích cực (DVV đã đảm bảo 85% KPI nội bộ về tài trợ cho 3 chương trình và 60% cho 6 concert trong 6T cuối năm, trong đó tài trợ cho các concert thường được chốt gần thời điểm diễn ra sự kiện).

- Ban lãnh đạo nhận thấy tiềm năng tăng trưởng vượt kế hoạch LNST trước lợi ích CĐTS năm 2026 theo kịch bản cơ sở từ 15%-35%, được dẫn dắt bởi: (1) mức tăng trưởng cao hơn dự kiến của các bản quyền (IP) trọng điểm như Tinh Hà Say Hi; (2) các dự án tại Gia Lai và các dự án của Chính phủ; và (3) mảng quản lý sự kiện và quảng cáo ngoài trời (OOH) hợp tác với Saigontourist.

2. Kế hoạch giai đoạn 2026-2030:

*** Kế hoạch 5 năm (Kịch bản cơ sở):** DVV đặt mục tiêu tổng doanh thu và LNST trước lợi ích CĐTS đạt tốc độ tăng trưởng kép (CAGR) lần lượt là 9% và 16% trong giai đoạn 2025-2030. Tăng trưởng chủ yếu được thúc đẩy bởi mức CAGR 15% của doanh thu nội dung, trong đó đóng góp doanh thu D2C dự kiến tăng từ 13% doanh thu gộp năm 2025 lên 20%-30% vào năm 2030.

*** Chiến lược 5 năm:** Ban lãnh đạo xác định 5 chiến lược trọng tâm, trong đó D2C là động lực tăng trưởng cốt lõi giai đoạn 2026-2030:

- (1) Đa dạng hóa thể loại chương trình và tệp khán giả: Duy trì vị thế dẫn đầu trong nhóm khán giả 13-30 tuổi, đồng thời phát triển các chương trình "bom tấn" hướng đến nhóm khán giả dưới 13 tuổi và từ 35-60 tuổi.
- (2) Đa dạng hóa nguồn thu từ concert/sự kiện: Tiếp tục tổ chức các đại nhạc hội (mega concert) xoay quanh các chương trình của DVV và mở rộng sang các concert cá nhân của nghệ sĩ, fan meeting, lễ hội âm nhạc và các sự kiện quốc tế tại Việt Nam.
- (3) Đa dạng hóa nguồn thu từ nghệ sĩ: Phát triển các nghệ sĩ trẻ làm nguồn tài năng cho chương trình Say Hi và các IP khác; đẩy mạnh mô hình D2C thông qua các chuyển lưu diễn/fan meeting, khai thác doanh thu từ mạng xã hội của nghệ sĩ và phát triển các hình thức tương tác độc quyền cho người hâm mộ qua hình thức đăng ký thành viên (subscribe)/đóng góp tự nguyện (donate).
- (4) Đẩy mạnh thương mại hóa IP: Mở rộng doanh thu từ nền tảng kỹ thuật số và các sản phẩm thương mại liên quan đến IP của DVV, phát triển các IP chất lượng cao và hướng tới xuất khẩu IP ra thị trường quốc tế.
- (5) Các sáng kiến kinh doanh mới: Hợp tác với các đối tác quốc tế, đặc biệt là Mỹ và Hàn Quốc, nhằm đào tạo nghệ sĩ/nhóm nhạc dự kiến ra mắt vào giai đoạn 2028-2029, đồng thời phát triển nền tảng fandom phục vụ tương tác trực tiếp với người hâm mộ.

*** Kế hoạch 5 năm (Kịch bản "kỳ lân"):** DVV đặt mục tiêu CAGR tổng doanh thu và LNST trước lợi ích CBTS lần lượt đạt 30% và 33% trong giai đoạn 2025-2030. Các động lực tăng trưởng chính bao gồm: (1) khai thác tối đa giá trị của "nền kinh tế người hâm mộ" (fan economy); (2) hợp tác chiến lược với các doanh nghiệp hàng tiêu dùng và dịch vụ; và (3) khai thác thương mại nghệ sĩ thông qua sở hữu và đào tạo.

*** Cổ tức tiền mặt:**

- DVV cam kết chi trả cổ tức tiền mặt tối thiểu 2.500 đồng/cổ phiếu trong quý 4/2026 (tương đương lợi suất cổ tức khoảng 5% dựa trên giá chào bán IPO).
- Trong các năm tới, DVV đặt mục tiêu tỷ lệ chi trả cổ tức hàng năm khoảng 50% (cổ tức tương đương khoảng 50% LNST).

3. Trao đổi với nhà đầu tư:

*** Kế hoạch sử dụng nguồn vốn huy động từ IPO (611 tỷ đồng):**

- Quản lý nghệ sĩ: Ưu tiên hợp tác với các nhà đầu tư chiến lược, bao gồm các đối tác tiềm năng từ Hàn Quốc để thành lập các công ty liên doanh. Nguồn vốn sẽ hỗ trợ phần góp vốn liên doanh của DVV, các chương trình đào tạo nghệ sĩ, phát triển giáo trình và đầu tư vào studio/cơ sở vật chất.
- Nền tảng D2C: Giảm thất thoát lợi nhuận từ phí bán vé của bên thứ ba và nâng cao mức độ thấu hiểu về hành vi người dùng cuối nhằm tùy chỉnh các sản phẩm/dịch vụ trong tương lai (hỗ trợ tăng trưởng doanh thu D2C).
- M&A: Tìm kiếm các cơ hội M&A trên toàn bộ chuỗi giá trị ngành truyền thông và giải trí.

*** Rủi ro về danh tiếng của nghệ sĩ:**

- DVV thực hiện rà soát lý lịch chi tiết trước khi mời nghệ sĩ tham gia các chương trình và có thể tham vấn các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhằm tăng cường kiểm soát rủi ro.
- DVV cũng liên tục theo dõi hình ảnh công chúng và đạo đức nghề nghiệp của nghệ sĩ. Ban lãnh đạo tin tưởng các biện pháp hiện tại sẽ giúp duy trì rủi ro danh tiếng liên quan đến nghệ sĩ ở mức có thể kiểm soát được, trong khi mạng lưới truyền thông và các đối tác truyền thông của công ty cũng hỗ trợ hiệu quả trong việc xử lý các sự cố nếu phát sinh.

4. Quan điểm của Phòng Nghiên cứu & Phân tích của Vietcap:

* DVV hiện đang giao dịch ở mức khoảng 13 lần P/E năm 2026 sau huy động vốn từ IPO dựa trên kế hoạch của công ty, thấp hơn mức P/E trung vị của các doanh nghiệp cùng ngành trong khu vực là khoảng 16 lần P/E năm 2026 và khoảng 17 lần mức trung bình 3 năm của trung vị P/E của các doanh nghiệp cùng ngành.

* DVV ghi nhận tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) vượt trội so với các công ty cùng ngành trong khu vực, đạt 41,2% trong năm 2025, và dự kiến sẽ tiếp tục duy trì ở mức cao là 34,5% trong năm 2026 sau khi nhận tiền huy động từ IPO, theo dự báo của chúng tôi. Trong khi đó, công ty đặt mục tiêu CAGR LNST trước lợi ích CĐTS đạt mức 16% trong giai đoạn 2025-2030 theo kịch bản cơ sở, qua đó tạo dư địa cho các khoản chi trả cổ tức hấp dẫn và đều đặn trong tương lai.

* DVV dự kiến chi trả cổ tức tiền mặt ít nhất là 2.500 đồng/cổ phiếu (tương đương lợi suất cổ tức khoảng 5% dựa trên giá IPO), với thời điểm chi trả dự kiến vào quý 4/2026. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

VCB: Triển vọng tăng trưởng lợi nhuận khả quan nhờ nhu cầu tín dụng doanh nghiệp tích cực và NIM phục hồi - Báo cáo Gặp gỡ NĐT

Quan điểm của chúng tôi: Những chia sẻ khả quan của ban lãnh đạo về nhu cầu tín dụng tích cực từ phân khúc khách hàng doanh nghiệp - phân khúc mà VCB đang giữ vị thế hàng đầu thị trường - cùng triển vọng NIM ổn định trong 6 tháng cuối năm 2026 củng cố quan điểm lạc quan của chúng tôi rằng tăng trưởng lợi nhuận của VCB sẽ tăng tốc trong giai đoạn 2026-2027. Với chi phí huy động vốn (COF) và chất lượng tài sản thuộc nhóm tốt nhất ngành, chúng tôi tiếp tục đánh giá VCB là lựa chọn hàng đầu cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội tăng trưởng chất lượng cao với mức độ rủi ro thấp tại ngành ngân hàng Việt Nam.

Các ghi nhận chính

1. Triển vọng vĩ mô

- Cán cân thương mại chuyển sang thâm hụt 16,7 tỷ USD trong 6 tháng đầu năm 2026 (6T 2026), chủ yếu do chi phí nhập khẩu dầu và bán dẫn tăng cùng việc nhập khẩu/tích trữ hàng tồn kho trước hạn tại các ngành liên quan đến AI (điện tử, linh kiện); VCB kỳ vọng cán cân thương mại sẽ cải thiện trong 6 tháng cuối năm.

- VCB dự báo CPI cả năm 2026 ở mức +4,47% và CPI cơ bản ở mức +4,31%, nằm trong mục tiêu của Quốc hội, dù vẫn còn rủi ro tăng từ việc đẩy nhanh đầu tư công, nhu cầu nhập khẩu cao, việc điều chỉnh giá các dịch vụ do Nhà nước quản lý (y tế, giáo dục) và đợt tăng lương cơ sở từ tháng 7.

- Tỷ giá ổn định trong tháng 5-tháng 6 sau khi hạ nhiệt mạnh trong tháng 4, song VCB cho rằng tỷ giá có khả năng sẽ tăng trở lại trong 6 tháng cuối năm do nhu cầu nhập khẩu và khả năng thay đổi chính sách của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ.

- Thanh khoản hệ thống chịu áp lực theo từng thời điểm vào đầu tháng và cuối tháng. VCB kỳ vọng lãi suất tiền gửi sẽ đi ngang hoặc tăng nhẹ trong 6 tháng cuối năm do (1) nhu cầu tín dụng cao cho các dự án hạ tầng, (2) tăng trưởng tiền gửi thấp hơn tăng trưởng tín dụng và (3) LDR toàn ngành ở mức cao.

- Thị trường bất động sản (BDS) gặp nhiều khó khăn trong 6T 2026 (điều kiện tài chính thắt chặt hơn, lãi suất và yêu cầu về vốn ở mức cao, giá giảm, hoạt động giao dịch kém sôi động (-12% YoY), tồn kho tăng; lãi suất cho vay mua nhà thả nổi ở mức 13-15%). Tuy nhiên, VCB cho rằng thị trường vẫn được hỗ trợ từ nền tảng vĩ mô vững chắc, việc đẩy nhanh đầu tư hạ tầng và tính minh bạch của thị trường được cải thiện (người mua để ở chiếm 66% giao dịch căn hộ).

- Theo VCB, các dự án hạ tầng quy mô lớn sẽ được tài trợ chủ yếu thông qua việc đẩy nhanh đầu tư công (đơn giản hóa thủ tục hành chính, hợp nhất các dự án nhỏ lẻ thành các đại dự án trọng điểm, điều chuyển nguồn vốn nhân rồi của Kho bạc Nhà nước (KBNN) sang tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại), song song với các nỗ lực thu hút FDI/vốn cổ phần tư nhân vào các dự án hạ tầng có dòng tiền ổn định (cảng biển, khu công nghiệp (KCN), logistics, năng lượng tái tạo) và các khoản vay ưu đãi từ các tổ chức đa phương (WB, ADB, AIIB) cùng các quỹ chuyển đổi khí hậu.

2. Tín dụng

- Ban lãnh đạo tái khẳng định VCB ưu tiên chất lượng tín dụng và tối ưu hóa cơ cấu danh mục hơn là tăng trưởng quy mô tối đa, qua đó lý giải cho tốc độ tăng trưởng chậm hơn của VCB trong 6T 2026 (khoảng 5%) so với một số ngân hàng tư nhân.

- Tăng trưởng tín dụng 6T 2026 theo phân khúc:

+ Cho vay khách hàng doanh nghiệp +8% (chiếm 51% tổng dư nợ cho vay), được dẫn dắt bởi cho vay khách hàng FDI +16% (22% dư nợ doanh nghiệp) với tăng trưởng tập trung ở các ngành như điện tử, thép, thức ăn chăn nuôi, dệt may, điện và BDS. Đối với phân khúc doanh nghiệp lớn và doanh nghiệp vừa (75% dư nợ doanh nghiệp), tăng trưởng tín dụng đạt 6% so với đầu năm (YTD), với nhu cầu vay ngày càng dịch chuyển sang các khoản vay trung và dài hạn, được dẫn dắt bởi các ngành thép, năng lượng, điện, viễn thông và hàng không. Phần lớn kế hoạch giải ngân cho khách hàng doanh nghiệp tập trung vào 6 tháng cuối năm.

+ Cho vay bán lẻ +2,3% (chiếm 43% tổng dư nợ cho vay), chủ yếu được hỗ trợ bởi cho vay mua nhà (42% dư nợ bán lẻ) và cho vay tiêu dùng (23% dư nợ bán lẻ). Tăng trưởng cho vay mua nhà phần nào chững lại trong quý 2. Đáng chú ý, cho vay hộ kinh doanh (33% dư nợ bán lẻ) giảm khoảng 9% trong bối cảnh thị trường tiếp tục gặp khó khăn và nhu cầu suy yếu.

- Các ngành trọng tâm trong năm 2026: sản xuất điện tử/máy tính/thiết bị y tế; cơ khí và công nghiệp chế tạo; phát điện/năng lượng, truyền tải & phân phối điện; và hạ tầng hỗ trợ vận tải (khô bãi, cầu, cảng, đường bộ).

- VCB đang tài trợ 1 trong 18 dự án hạ tầng trọng điểm quốc gia do Chính phủ chỉ định và được loại trừ khỏi hạn mức tăng trưởng tín dụng - sân bay Phú Quốc (gắn với APEC 2027) - với doanh thu dự án bằng ngoại tệ được kỳ vọng sẽ hỗ trợ khả năng trả nợ và giảm chi phí huy động vốn; ban lãnh đạo đang đánh giá thêm các cơ hội khác.

- Về chiến lược bán lẻ, ban lãnh đạo cho biết tăng trưởng bán lẻ được dẫn dắt bởi cho vay mua nhà đã chậm lại cùng với thị trường BDS, song ngân hàng có kế hoạch mở rộng bộ sản phẩm bán lẻ/SME (cho vay SME dựa trên dòng tiền và chuỗi giá trị, dịch vụ private banking/quản lý gia sản cho phân khúc khách hàng khá giả).

3. Huy động vốn

- LDR quy định ở mức khoảng 80% vào cuối quý 2 (so với mức trần 85%), nhờ tăng trưởng tiền gửi được đẩy mạnh trong quý.

- Các kế hoạch huy động vốn cho 6 tháng cuối năm 2026: tăng CASA/nguồn vốn giá rẻ và tiền gửi ngoại tệ; phát hành chứng chỉ tiền gửi khi cần thiết (hiện ở mức khoảng 7,5% cho kỳ hạn 6 tháng, +50 điểm cơ bản so với tháng 4/tháng 5 và vẫn thấp hơn 100-150 điểm cơ bản so với các ngân hàng thương mại khác); mở rộng nguồn vốn trung và dài hạn thông qua phát hành trái phiếu trong nước và quốc tế (một đợt phát hành trái phiếu USD đang trong kế hoạch); phát hành trái phiếu cấp 2 với quy mô lên đến 10 nghìn tỷ đồng; và điều chỉnh kế hoạch huy động vốn phù hợp với lịch giải ngân.

4. NIM

- Ban lãnh đạo nhấn mạnh sự phục hồi của NIM ngày càng được dẫn dắt bởi việc tối ưu hóa cơ cấu danh mục (dịch chuyển sang các khoản vay trung và dài hạn) hơn là bởi biến động lãi suất, qua đó giúp gia tăng mức độ chắc chắn về tính bền vững của sự cải thiện này, đồng thời lưu ý sẽ có độ trễ nhất định trước khi sự dịch chuyển cơ cấu được phản ánh đầy đủ vào thu nhập lãi.

- Trong 6 tháng cuối năm 2026, ban lãnh đạo kỳ vọng NIM sẽ nhìn chung được duy trì quanh mức hiện tại: lãi suất cho vay tăng sẽ là yếu tố hỗ trợ nhẹ, một phần bị ảnh hưởng bởi việc lãi suất tiền gửi/COF tăng. Việc tiếp tục dịch chuyển sang các khoản vay kỳ hạn dài hơn, đa dạng hóa nguồn vốn, kiểm soát COF và tối ưu hóa bảng cân đối kế toán thông qua việc nâng LDR là các động lực chính.

5. Chất lượng tài sản

- Tỷ lệ nợ xấu của phân khúc bán lẻ ở mức 0,8% (+10 điểm cơ bản QoQ). Tỷ lệ nợ xấu của phân khúc doanh nghiệp ở mức 1,2% (-10 điểm cơ bản QoQ). Tỷ lệ nợ xấu của phân khúc SME ở mức 1,1% (gần như đi ngang so với quý trước).
- Ban lãnh đạo cho biết chưa ghi nhận dấu hiệu suy giảm chất lượng tài sản tại tất cả các phân khúc.
- Kế hoạch chi phí dự phòng năm 2026 được giữ nguyên ở mức 3-4 nghìn tỷ đồng.
- Đáng chú ý, việc hoàn nhập dự phòng liên quan đến trái phiếu doanh nghiệp được tái cấu trúc trong quý 4/2025 (khách hàng thuộc ngành năng lượng) - trước đó được dự kiến có thể diễn ra trong quý 2 - vẫn chưa được thực hiện. Ban lãnh đạo cho biết chất lượng khoản tín dụng này “đang ở trạng thái tốt” nhưng chỉ hoàn nhập dự phòng khi hoàn toàn chắc chắn rằng khách hàng đã hoàn tất quá trình phục hồi/thời gian thử thách, thể hiện quan điểm thận trọng.
- Mục tiêu thu hồi nợ xấu năm 2026 khoảng 3 nghìn tỷ đồng.

6. Vốn

- CAR đạt khoảng 11,6% vào cuối quý 2.
- Kế hoạch phát hành riêng lẻ 6,5% vẫn đang trong giai đoạn tiếp cận nhà đầu tư, theo kế hoạch đã được phê duyệt trước đó về nhà đầu tư mục tiêu, quy mô phát hành và cơ chế xác định giá.
- VCB cũng có kế hoạch chia cổ tức bằng cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, hiện đang chờ sự phê duyệt của cơ quan quản lý.

7. Các vấn đề khác

- Trong quý 2/2026, VCB ghi nhận khoản lãi một lần từ đánh giá lại tài sản đạt 3 nghìn tỷ đồng.
- Kế hoạch năm 2026: thu nhập từ ngoại hối và thu nhập phí đều được kỳ vọng tăng trưởng 5-10% YoY. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

Tóm tắt các báo cáo trong ngày

IDC: Quỹ đất lớn hỗ trợ đà phục hồi; cổ tức hấp dẫn - Cập nhật

Ngành	KCN & BĐS		2025	2026F	2027F	2028F
Ngày báo cáo	13/08/2026	TT Doanh thu	-2,9%	5,2%	14,4%	16,2%
Giá hiện tại	34.200 VND	TT EPS	-3,2%	3,0%	14,0%	19,5%
Giá mục tiêu	51.200 VND	LNST-CĐT\$ (tỷ đồng)	1.932	1.989	2.269	2.712
Giá mục tiêu gần nhất	52.700 VND	Biên LN gộp	35,6%	35,2%	35,9%	37,3%
TL tăng	+49,7%	Biên LN ròng	22,5%	22,0%	22,0%	22,6%
Lợi suất cổ tức	8,8%	P/E	7,5x	7,2x	6,4x	5,3x
Tổng mức sinh lời	+58,5%	P/B điều chỉnh	1,5x	1,4x	1,2x	1,1x
GT vốn hóa	14,2 nghìn tỷ đồng			IDC*	Peers*	VNI
Room KN	4,8 nghìn tỷ đồng	P/E (trượt)		6,0x	17,9x	13,4x
GTGD/ngày (30n)	42,1 tỷ đồng	P/B (hiện tại)*		1,5x	1,5x	2,0x
Cổ phần Nhà nước	0,0%	ROE		34,7%	10,2%	16,2%
SL cổ phiếu lưu hành	417,4 tr	ROA		10,1%	4,6%	2,4%
Pha loãng	417,4 tr	* P/B đã điều chỉnh cho IDC và các doanh nghiệp cùng ngành				

* Chúng tôi duy trì khuyến nghị MUA đối với Tổng Công ty IDICO - CTCP (IDC), đồng thời điều chỉnh giảm 3% giá mục tiêu xuống 51.200 đồng/cổ phiếu.

* Giá mục tiêu thấp hơn của chúng tôi chủ yếu đến từ giả định WACC cao hơn ở mức 14,9% (so với 14,3% trước đây) sau khi chúng tôi nâng giả định lãi suất phi rủi ro thêm 100 điểm cơ bản lên 7,0%, trong khi nhìn chung giữ nguyên dự báo LNST sau lợi ích CĐTTS các năm 2026-2027.

* Chúng tôi dự báo LNST sau lợi ích CĐTTS đạt 2,0 nghìn tỷ đồng trong năm 2026 và 2,3 nghìn tỷ đồng trong năm 2027, tương ứng mức tăng trưởng lần lượt 3% và 14% YoY. Chúng tôi kỳ vọng tăng trưởng lợi nhuận sẽ đến từ (1) sự phục hồi của doanh số cho thuê đất và bàn giao tại các KCN hiện hữu như Hữu Thạnh, Phú Mỹ 2 và Phú Mỹ 2 mở rộng, cùng với các dự án mới dự kiến mở bán tại Vinh Quang và Tân Phước 1; (2) giá cho thuê trung bình KCN tiếp tục tăng; và (3) đóng góp ban đầu từ KĐT Hữu Thạnh từ năm 2027.

* Định giá của IDC đang ở mức hấp dẫn với P/B điều chỉnh dự phóng các năm 2026/27 lần lượt là 1,4/1,2 lần, thấp hơn khoảng 21%/30% so với mức P/B điều chỉnh trung vị 3 năm là 1,8 lần. Ngoài ra, chúng tôi cho rằng IDC mang lại lợi suất cổ tức hấp dẫn và bền vững, với mức chi trả dự kiến 3.000 đồng/cổ phiếu tương ứng lợi suất 8,8%, được hỗ trợ bởi tỷ lệ tiền mặt ròng/vốn chủ sở hữu ở mức 22% vào cuối quý 2/2026 và dòng tiền từ mảng KCN trung bình 4,6 nghìn tỷ đồng/năm trong giai đoạn 2026-2028.

* Chúng tôi cho rằng IDC vẫn có vị thế tốt để thu hút khách thuê, nhờ quỹ đất lớn đã giải phóng mặt bằng tại các vị trí chiến lược và cơ sở khách thuê đa dạng, bao gồm Hyosung, PepsiCo và Heineken.

* **Rủi ro:** Doanh số cho thuê đất KCN thấp hơn dự kiến; các diễn biến bất lợi liên quan đến thuế quan của Mỹ đối với Việt Nam.

PVT: Giá thuê tàu duy trì ở mức cao thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận mạnh - Cập nhật

Ngành	Dầu khí		2025	2026F	2027F	2028F
Ngày báo cáo	13/08/2026	TT Doanh thu	37%	24%	6%	-3%
Giá hiện tại	19.000 VND	TT EPS điều chỉnh	2%	58%	18%	5%
Giá mục tiêu	25.200 VND	TT EPS báo cáo	-5%	56%	15%	5%
Giá mục tiêu gần nhất (*)	28.000 VND	NPATMI, báo cáo	1.038	1.625	1.872	1.957
TL tăng	+32,6%	EV/EBITDA	3,7x	2,5x	1,9x	1,5x
Lợi suất cổ tức	5,3%	P/E điều chỉnh	10,7x	6,7x	5,7x	5,5x
Tổng mức sinh lời	+37,9%	P/E báo cáo	9,9x	6,3x	5,5x	5,2x
GT vốn hóa	10,2 nghìn tỷ đồng			PVT	Peers**	VNI
Room KN	3,6 nghìn tỷ đồng	P/E (trượt)		7,3x	9,7x	13,4x
GTGD/ngày (30n)	63,1 tỷ đồng	P/B (hiện tại)		1,1x	0,6x	2,0x
Cổ phần Nhà nước	51%	Nợ ròng/VCSH		23,9%	-7,1%	N/A
SL cổ phiếu lưu hành	516,9 tr	ROE		16,2%	9,5%	16,2%
Pha loãng	516,9 tr	ROA		6,4%	2,1%	2,4%
**Các CT cùng ngành trong khu vực; *Đã điều chỉnh cho cổ tức cổ phiếu tỷ lệ 10%						

* Chúng tôi điều chỉnh giảm 10% giá mục tiêu của Tổng CTCP Vận tải Dầu khí (PVT) xuống 25.200 đồng/cổ phiếu nhưng duy trì khuyến nghị MUA sau khi giá cổ phiếu giảm 20% trong 5 tháng qua. Giá mục tiêu thấp hơn phản ánh (1) mức tăng 1 điểm % trong giả định lãi suất phi rủi ro của chúng tôi lên 7,0% và (2) mức điều chỉnh giảm 2,0% đối với tổng dự báo LNST sau lợi ích CĐTTS báo cáo giai đoạn 2026-2030 (tương ứng +8%/-3%/-2%/-5%/-6% đối với dự báo các năm 2026/27/28/29/30), một phần được bù đắp bởi (3) tác động tích cực từ việc chúng tôi cập nhật mô hình định giá sang giữa năm 2027.

* Dự báo tổng LNST sau lợi ích CĐTS thấp hơn của chúng tôi phản ánh mức điều chỉnh giảm 9% đối với giá định giá thuê tàu chở sản phẩm dầu/hóa chất trung bình giai đoạn 2026-2030, ảnh hưởng mức tăng 11% đối với giá thuê tàu chở dầu thô quốc tế trung bình của PVT. Chúng tôi nâng dự báo tăng trưởng giá thuê tàu chở dầu thô và tàu chở sản phẩm dầu/hóa chất năm 2026 lên lần lượt +60%/+41% YoY (từ +20%/+12%) do giá thuê từ đầu năm đến nay cao hơn dự kiến, nhưng điều chỉnh tăng trưởng giá thuê tàu chở dầu thô của PVT các năm 2027-2028 xuống lần lượt -30%/-10% (từ mức -10%/-10%) và tăng trưởng giá thuê tàu chở sản phẩm dầu/hóa chất xuống lần lượt -41%/-14% (từ mức -11%/-11%), khi chúng tôi kỳ vọng hoạt động vận tải qua eo biển Hormuz sẽ trở lại mức bình thường vào cuối năm 2026 và tăng trưởng đội tàu chở sản phẩm dầu hiệu dụng sẽ vượt tăng trưởng thương mại trong năm 2027.

* Chúng tôi dự báo LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi năm 2026 tăng 58% YoY, được thúc đẩy bởi (1) mức tăng 22% công suất trọng tải (DWT) của đội tàu trong năm 2025 và (2) giá thuê tàu chở dầu thô quốc tế của PVT tăng 60% YoY cùng giá thuê tàu chở sản phẩm dầu/hóa chất tăng 41% YoY.

* Đối với năm 2027, chúng tôi dự báo LNST sau lợi ích CĐTS tăng 15% YoY, được thúc đẩy bởi (1) lợi nhuận gộp mảng vận tải tăng 9% khi khối lượng vận chuyển của PVT tăng lên - theo sau mức phục hồi +2,0 triệu thùng/ngày của nhu cầu dầu toàn cầu trong năm 2027 so với -1,1 triệu thùng/ngày trong năm 2026 (theo dự báo đồng thuận của EIA/IEA/OPEC) - bù đắp cho mức giá thuê tàu thấp hơn, và (2) thu nhập lãi tăng 33% khi PVT chuyển sang vị thế tiền mặt ròng.

* Chúng tôi dự phóng EPS cốt lõi giai đoạn 2026-2028 đạt CAGR 11%, được hỗ trợ bởi tăng trưởng khối lượng/hiệu suất sử dụng cải thiện nhờ công suất DWT tăng gấp đôi trong giai đoạn 2022-2025, giá thuê tàu duy trì ở mức cao tương đương 1,2-1,6 lần mức năm 2021, và chi phí lãi vay giảm dần. PVT đã bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới từ ngày 03/08.

* PVT đang giao dịch ở mức hấp dẫn với P/E dự phóng năm 2026 là 6,3 lần, thấp hơn khoảng 30% so với mức trung vị 5 năm, và P/B là 1,0 lần.

* **Yếu tố hỗ trợ:** Giá thuê tàu chở dầu thô cao hơn dự kiến; khả năng đầu tư tàu VLCC.

* **Rủi ro:** Chi phí bảo dưỡng cao hơn dự kiến.

Giá mục tiêu & Khuyến nghị - Cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Ngành	Room NN	GVH tr USD	GTGD/ 30N trUSD	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Tỷ lệ tăng	Lợi suất cổ tức	Tổng mức sinh lời	Khuyến nghị	Ngày báo cáo gần nhất	P/E 2025	P/E 2026	P/E Ngành trượt 12T*	P/B trượt 12T
STK	Dệt may	83%	50	0.0	8,400	25,500	204%	0.0%	204%	KQ	17/01/25	23.8	5.7	11.6	0.8
KDH	Bất động sản	26%	762	4.1	17,750	42,600	140%	0.0%	140%	MUA	11/05/26	20.1	13.2	17.9	1.1
NLG	Bất động sản	12%	418	2.1	22,500	45,800	104%	2.2%	106%	MUA	11/05/26	13.1	16.0	17.9	0.9
HDC	Bất động sản	48%	102	0.8	11,600	21,400	84%	0.0%	84%	KQ	09/01/26	4.2	8.6	17.9	0.9
HDG	Điện & Nước	34%	254	1.0	16,300	28,700	76%	0.0%	76%	MUA	16/07/26	9.7	12.2	17.9	1.0
BMI	Bảo hiểm	23%	78	0.0	13,500	23,100	71%	3.7%	75%	MUA	12/04/24	9.0	5.4	15.7	0.7
DCM	Phân bón	43%	624	2.6	30,800	51,000	66%	8.1%	74%	MUA	25/05/26	9.0	5.6	11.6	1.4
VGC	KCN	48%	696	0.7	40,600	66,800	65%	5.4%	70%	MUA	11/05/26	13.6	11.4	13.5	2.2
PVS	Dầu khí	33%	685	3.9	35,000	58,800	68%	0.0%	68%	MUA	10/08/26	12.2	10.1	12.8	1.2
HPG	VLXD	27%	7,010	22.4	21,700	35,400	63%	2.1%	65%	MUA	12/05/26	12.1	7.2	13.2	1.3
PLC	Dầu khí	49%	63	0.1	20,300	31,900	57%	4.9%	62%	MUA	12/09/25	120.8	6.5	11.6	1.2
DPG	Điện & Nước	30%	139	0.5	30,600	48,900	60%	2.0%	62%	MUA	11/06/26	9.4	9.9	13.5	1.2
GEX	Điện & Nước	44%	1,272	14.9	25,400	40,500	59%	2.0%	61%	MUA	06/07/26	22.7	22.5	10.9	1.7
PTB	Công nghiệp	10%	129	0.1	33,650	52,000	55%	6.2%	61%	KQ	06/10/25	4.5	5.8	13.2	0.9
PVT	Dầu khí	35%	396	2.5	20,000	30,800	54%	5.0%	59%	MUA	13/03/26	9.5	6.5	10.9	1.1
IDC	KCN	34%	546	1.6	34,200	51,200	50%	8.8%	58%	MUA	13/08/26	7.5	7.2	17.9	2.1
MBB	Ngân hàng	1%	7,762	13.7	20,150	31,300	55%	2.5%	58%	MUA	21/05/26	7.0	5.8	11.9	1.4
DXG	Bất động sản	32%	526	4.7	10,850	17,000	57%	0.0%	57%	MUA	12/06/26	56.1	58.7	17.9	1.0
HVN	Hàng không	21%	2,839	1.0	23,850	37,100	56%	0.0%	56%	KQ	22/07/25	10.2	8.6	17.3	7.8
CTG	Ngân hàng	5%	9,554	11.7	32,150	50,000	56%	0.0%	56%	MUA	15/05/26	8.2	7.1	11.9	1.3
VPB	Ngân hàng	7%	7,695	15.6	25,350	38,000	50%	2.0%	52%	MUA	18/05/26	8.4	6.5	11.9	1.1
DXS	Bất động sản	43%	129	0.4	5,840	8,800	51%	0.0%	51%	KQ	11/06/26	9.9	8.6	17.9	0.5
KBC	KCN	42%	993	2.6	27,550	40,400	47%	3.6%	50%	MUA	01/06/26	12.3	10.7	17.9	1.0
MSN	Bán lẻ	76%	3,777	10.4	67,600	101,200	50%	0.0%	50%	MUA	21/05/25	23.8	23.0	10.9	2.5
ACG	Gỗ	12%	186	0.0	32,300	45,800	42%	5.3%	47%	MUA	15/07/25	10.2	8.1	13.2	1.1
F88	Tài chính TT	42%	594	0.5	66,800	98,000	47%	0.0%	47%	MUA	25/06/26	20.5	12.6	15.5	5.2

REE	Điện & Nước	0%	1,111	1.0	46,600	66,900	44%	2.1%	46%	MUA	22/04/26	11.5	10.1	10.9	1.3
NT2	Điện & Nước	39%	237	0.6	21,550	29,000	35%	9.3%	44%	MUA	10/08/26	5.8	6.1	11.7	1.2
PHR	Công nghiệp	-12%	306	0.8	59,000	82,700	40%	2.2%	42%	MUA	15/07/26	18.2	5.1	11.6	1.7
SAB	Đồ uống/Thực phẩm	41%	2,250	1.6	45,850	59,000	29%	10.9%	40%	MUA	06/01/26	13.7	13.1	12.0	3.0
QTP	Điện & Nước	-1%	192	0.1	11,200	14,600	30%	8.9%	39%	MUA	10/12/25	4.9	7.6	11.7	0.9
VRE	Bất động sản	38%	2,139	5.8	24,600	34,200	39%	0.0%	39%	PHTT	29/05/26	8.7	10.1	17.9	1.1
NVL	Bất động sản	45%	1,231	11.1	13,400	18,600	39%	0.0%	39%	MUA	18/06/26	16.6	21.7	17.9	0.7
TCB	Ngân hàng	2%	8,594	19.2	31,700	42,600	34%	4.4%	39%	MUA	11/05/26	8.9	7.7	11.9	1.3
MWG	Bán lẻ	0%	4,156	16.3	73,600	101,000	37%	1.4%	39%	MUA	14/10/25	15.3	13.0	10.6	3.0
PNJ	Bán lẻ	5%	691	13.7	35,300	46,500	32%	5.7%	37%	PHTT	12/07/26	6.9	6.2	7.6	1.3
MCH	Bán lẻ	84%	6,848	4.8	136,900	181,700	33%	4.4%	37%	PHTT	28/11/25	26.5	23.2	12.0	9.6
DPM	Phân bón	47%	570	2.7	21,900	28,000	28%	6.8%	35%	PHTT	25/05/26	16.7	9.2	11.6	1.3
FPT	CNTT	22%	4,539	22.7	69,200	90,300	30%	3.3%	34%	MUA	08/06/26	13.3	11.7	14.5	3.0
POW	Điện & Nước	46%	1,585	6.8	13,500	18,000	33%	0.0%	33%	MUA	29/05/26	17.3	14.4	11.7	1.0
VTP	GTVT	45%	418	1.3	54,100	71,800	33%	0.0%	33%	PHTT	25/05/26	22.6	27.0	10.9	4.7
TPB	Ngân hàng	8%	1,534	5.7	14,450	18,600	29%	3.5%	32%	MUA	20/05/26	5.4	5.2	11.9	0.9
PVD	Dầu khí	41%	650	5.0	18,300	24,150	32%	0.0%	32%	MUA	09/04/26	11.3	15.2	12.8	1.0
VCB	Ngân hàng	10%	19,021	11.8	59,500	78,500	32%	0.0%	32%	MUA	18/05/26	15.3	12.9	11.9	2.0
SSI	Chứng khoán	70%	2,392	21.6	25,000	31,600	26%	4.0%	30%	MUA	16/07/26	14.6	16.0	15.5	1.5
AST	DV Hàng không	3%	133	0.0	64,600	80,600	25%	5.4%	30%	MUA	26/08/25	11.6	11.3	10.6	4.9
BID	Ngân hàng	12%	10,821	6.3	38,850	50,500	30%	0.0%	30%	MUA	21/05/26	10.2	9.4	11.9	1.5
SZC	KCN	19%	137	0.3	19,950	24,700	24%	5.0%	29%	KQ	01/07/26	11.3	27.4	17.9	1.2
PPC	Điện & Nước	45%	110	0.0	8,980	11,000	22%	5.6%	28%	KQ	10/12/25	17.7	8.9	11.7	0.6
CTR	CNTT	44%	376	0.9	76,800	96,800	26%	2.0%	28%	KQ	14/04/26	14.6	12.6	13.5	4.4
TV2	Điện & Nước	8%	69	0.1	26,700	33,000	24%	3.7%	27%	KQ	13/07/26	30.3	20.7	10.9	1.4
VIB	Ngân hàng	2%	1,895	6.6	14,550	18,500	27%	0.0%	27%	KQ	23/05/25	6.8	5.6	11.9	1.0
SCS	DV Hàng không	22%	165	0.2	45,000	51,200	14%	12.2%	26%	PHTT	13/01/26	5.7	6.1	17.3	2.8
HDB	Ngân hàng	5%	5,113	16.0	26,700	33,000	24%	1.9%	25%	MUA	06/03/26	7.4	6.4	11.9	1.6

BVH	Bảo hiểm	22%	1,860	1.0	65,500	81,000	24%	1.6%	25%	MUA	11/06/26	17.5	13.1	15.7	1.9
ACB	Ngân hàng	6%	4,930	14.4	22,200	27,100	22%	3.2%	25%	MUA	21/05/26	7.4	6.4	11.9	1.3
GMD	GTVT	9%	1,300	5.3	78,500	95,500	22%	3.2%	25%	MUA	25/05/26	21.3	13.9	10.9	2.5
FRT	Bán lẻ	16%	1,005	3.8	146,900	180,100	23%	0.0%	23%	MUA	17/06/26	31.5	21.9	10.6	5.5
QNS	Đồ uống/Thực phẩm	41%	659	0.2	46,900	53,400	14%	8.5%	22%	KQ	30/08/24	9.0	6.7	12.0	1.6
TLG	Văn phòng phẩm	90%	198	0.2	53,500	61,900	16%	6.5%	22%	MUA	12/09/25	11.5	8.7	7.6	2.0
SIP	KCN	47%	471	0.2	50,900	58,900	16%	5.9%	22%	MUA	20/07/26	10.0	9.9	17.9	2.5
DGC	Công nghiệp	45%	638	1.2	43,900	52,100	19%	2.3%	21%	KQ	20/07/26	5.9	8.7	11.6	1.1
VNM	Đồ uống/Thực phẩm	50%	4,926	12.5	61,600	70,300	14%	6.5%	21%	MUA	24/04/25	13.7	14.7	12.0	4.0
BWE	Điện & Nước	47%	426	0.6	44,250	51,600	17%	2.9%	20%	MUA	13/05/26	11.4	12.3	11.7	1.8
BMP	VLXD	18%	468	0.9	149,400	163,000	9%	10.4%	19%	MUA	17/06/26	10.1	9.5	13.5	4.3
GAS	Dầu khí	47%	7,192	4.0	77,900	90,000	16%	3.9%	19%	MUA	29/07/26	17.3	14.7	11.7	2.7
PC1	Điện & Nước	42%	326	1.6	20,700	24,700	19%	0.0%	19%	KQ	21/07/26	9.2	14.0	13.5	1.3
PLX	Xăng dầu	6%	1,731	3.2	35,600	41,100	15%	3.4%	19%	MUA	13/10/25	18.5	15.5	12.8	1.8
NKG	VLXD	45%	208	0.8	11,050	13,100	19%	0.0%	19%	PHTT	18/04/25	25.1	8.5	13.2	0.7
ACV	Hàng không	47%	5,630	0.8	41,000	48,000	17%	0.0%	17%	PHTT	18/05/26	13.1	13.0	10.9	2.0
DHC	Công nghiệp	16%	144	0.5	35,400	40,100	13%	3.7%	17%	MUA	16/12/25	8.7	8.4	13.2	1.5
VHC	Đồ uống/Thực phẩm	81%	434	0.7	54,100	58,600	8%	5.5%	14%	KQ	30/07/26	8.6	8.0	12.0	1.2
BSR	Lọc hóa dầu	48%	5,077	9.1	26,500	29,250	10%	2.6%	13%	MUA	07/08/26	25.6	6.6	12.8	1.8
DGW	Bán lẻ	25%	365	1.4	43,150	45,400	5%	2.3%	8%	KQ	18/06/26	17.4	14.8	10.6	2.6
VHM	Bất động sản	43%	22,567	35.3	71,800	76,900	7%	0.0%	7%	PHTT	29/05/26	14.1	10.7	17.9	2.3
TDM	Điện & Nước	49%	276	0.4	59,000	60,600	3%	2.2%	5%	KQ	13/05/26	33.9	32.9	11.7	2.8
HSG	VLXD	46%	330	1.1	10,700	10,400	-3%	4.7%	2%	PHTT	18/04/25	13.8	14.7	13.2	0.7
VEA	Ô-tô	48%	1,778	0.8	35,000	30,800	-12%	13.8%	2%	PHTT	28/10/25	6.3	6.6	10.9	2.0
STB	Ngân hàng	19%	5,273	12.6	73,100	73,500	1%	0.0%	1%	PHTT	18/05/26	25.6	23.1	11.9	2.2
GVR	Công nghiệp	12%	4,997	2.1	32,650	32,100	-2%	1.2%	-0%	PHTT	20/07/26	24.5	19.1	11.6	2.2
OIL	Dầu khí	6%	528	1.0	13,200	12,700	-4%	0.8%	-3%	KQ	17/10/25	32.2	29.1	12.8	1.3

VJC	Hàng không	24%	3,675	9.5	124,900	114,000	-9%	0.0%	-9%	KQ	15/03/24	34.8	14.0	17.3	3.7
LPB	Ngân hàng	4%	6,149	20.1	53,800	39,300	-27%	1.9%	-25%	KKQ	18/11/25	14.2	14.8	11.9	3.7
VIC	Bất động sản	45%	61,742	35.9	207,900	110,000	-47%	0.0%	-47%	BÁN	12/06/26	136.8	58.9	17.9	9.5

Nguồn: Fiinpro, Vietcap (phân loại ngành của Vietcap; khuyến nghị của chuyên viên phân tích được công bố trong báo cáo cập nhật gần nhất), KQ: KHẢ QUAN, PHTT; PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG, KKQ: KÉM KHẢ QUAN, KĐG: KHÔNG ĐÁNH GIÁ. *P/E trượt của ngành dựa trên phân loại của ICB, có thể khác với phân loại ngành của Vietcap

Thống kê Danh mục khuyến nghị của Vietcap

					Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
MUA	51	137.622	2.698	20	14,3	11,2	9,2	15,4	1,6	22,8	16,1	11,9	1,9	3,3%
KHẢ QUAN	18	12.738	708	2	10,7	11,7	9,5	14,0	2,0	19,1	15,8	13,4	1,9	2,5%
PHÙ HỢP TT	13	51.613	3.970	3	17,3	15,0	12,7	16,7	2,3	16,9	16,1	13,6	2,5	3,8%
KÉM KHẢ QUAN	1	6.149	6.149	0	17,4	14,2	14,8	10,4	3,7	17,4	14,2	14,8	3,7	1,9%
BÁN	1	61.742	61.742	1	129,9	136,8	58,9	72,4	9,5	129,9	136,8	58,9	9,5	0,0%
TỔNG CỘNG	84	269.863	3.213	26	18,5	15,3	12,3	16,9	2,2	22,3	17,5	13,1	2,1	3,1%

					Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
Ngân hàng	12	88.342	7.362	11	11,3	9,8	8,4	12,8	1,5	11,0	10,4	9,2	1,6	1,6%
Bảo hiểm	2	1.938	969	1	22,2	16,9	12,4	21,2	1,7	16,4	13,3	9,3	1,3	2,7%
Chứng khoán	1	2.392	2.392	1	20,0	14,6	16,0	18,5	1,5	20,0	14,6	16,0	1,5	4,0%
Tài chính thay thế	1	594	594	0	41,9	20,5	12,6	30,0	5,2	41,9	20,5	12,6	5,2	0,0%
Tiêu dùng	13	27.461	2.112	4	17,5	15,1	14,1	19,3	3,3	22,3	15,3	13,3	3,3	5,2%
CNTT	1	4.539	4.539	1	16,2	13,3	11,7	17,4	3,0	16,2	13,3	11,7	3,0	3,3%
Bất động sản	9	89.617	9.957	2	56,5	36,0	25,3	26,2	4,0	33,8	31,1	22,9	2,0	0,2%
Vật liệu	4	8.016	2.004	1	15,3	12,2	7,5	19,0	1,3	13,5	15,3	10,0	1,8	4,3%
Điện & Nước	12	5.995	500	1	20,4	13,2	13,1	18,4	1,3	25,9	15,3	14,3	1,3	3,2%
Dầu khí	10	17.514	1.751	2	24,3	17,8	10,0	21,3	1,9	34,1	27,3	11,9	1,5	3,6%
Công nghiệp	5	1.147	229	0	7,4	6,6	8,0	8,8	1,1	11,3	10,6	7,3	1,1	3,5%
Khu công nghiệp	7	8.147	1.164	1	23,0	16,8	13,5	19,6	1,9	22,3	13,9	13,0	1,8	4,6%
GTVT & Logistics	7	14.161	2.023	1	13,5	15,2	12,0	18,0	2,9	17,0	17,0	13,4	4,0	3,0%
TỔNG CỘNG	84	269.863	3.213	26	18,5	15,3	12,3	16,9	2,2	22,3	17,5	13,1	2,1	3,1%

Nguồn: Fiinpro, Vietcap
 Ghi chú: P/E dự phóng dựa theo dự báo của Vietcap
 *FPT được phân loại lại từ nhóm Tiêu dùng sang CNTT

Cập nhật KQKD Q2 2026 – Các cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Tăng trưởng EPS 6T 2026 so với cùng kỳ	Tăng trưởng EPS 2026F	Khuyến nghị cũ	Khuyến nghị mới	Nhận xét
Ngân hàng					
ACB	1%	14%	MUA		KQKD 6T 2026 khả quan, phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi; mảng cho vay khách hàng cá nhân & SME và NIM cải thiện đáng kể
BID	15%	8%	KQ		NIM hồi phục trong quý 2 nhưng vẫn thấp hơn kỳ vọng của chúng tôi
CTG	37%	17%	MUA		Quý 2 bứt phá nhờ NIM cải thiện mạnh, vượt kỳ vọng của chúng tôi
HDB	33%	17%	KQ		Tăng trưởng lợi nhuận mạnh nhờ đóng góp của các công ty con; chất lượng tài sản là điểm cần theo dõi
LPB	-3%	-4%	KKQ		KQKD kém hơn kỳ vọng do chi phí hoạt động và chi phí tín dụng tăng mạnh tiếp tục gây áp lực lớn lên đà tăng trưởng lợi nhuận trong quý 2
MBB	26%	20%	MUA		Mức tăng trưởng tín dụng mạnh và sự phục hồi của NIM hỗ trợ lợi nhuận tăng cao hơn kỳ vọng
STB	-50%	11%	PHTT		KQKD thấp hơn kỳ vọng do chất lượng tài sản suy giảm mạnh
TCB	15%	15%	MUA		KQKD của ngân hàng vượt kỳ vọng của chúng tôi, đặc biệt là về tăng trưởng tín dụng. Các chỉ tiêu chính khác bao gồm thu nhập từ phí, NIM và chất lượng tài sản đều có xu hướng tích cực.
TPB	5%	5%	MUA		Tăng trưởng tín dụng mạnh và đóng góp cao từ thu nhập ngoài lãi giúp hỗ trợ lợi nhuận; KQKD nhìn chung phù hợp với dự báo
VCB	37%	19%	MUA		Lợi nhuận cao hơn đáng kể so với kỳ vọng nhờ NIM cải thiện và thu nhập ngoài lãi tăng mạnh
VIB	7%	22%	KQ		Tín dụng tiếp tục tăng trưởng yếu gây áp lực lên lợi nhuận
VPB	66%	29%	MUA		KQKD tích cực được dẫn dắt bởi cả ngân hàng mẹ và mảng kinh doanh chứng khoán; bảng cân đối kế toán mở rộng mạnh mẽ
ĐCTC phi ngân hàng					
BMI	15%	68%	MUA		EPS tăng 15% YoY nhờ tăng trưởng phí bảo hiểm
BVH	36%	33%	MUA		Đà tăng trưởng mạnh của phí bảo hiểm phi nhân thọ và môi trường lãi suất thuận lợi giúp thúc đẩy lợi nhuận vượt kỳ vọng
SSI	28%	-7%	MUA		KQKD 6T 2026 ghi nhận đà tăng trưởng mạnh bất chấp thị trường biến động
F88	109%	62%	MUA		ROE đạt mức cao mới trong 6T 2026; kết quả kinh doanh phù hợp với kỳ vọng
Tiêu dùng					
CTR	21%	17%	KQ		KQKD quý 2 tiếp tục khả quan nhờ tăng trưởng từ mảng xây dựng và giải pháp điện năng lượng mặt trời
DGW	130%	17%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTTS quý 2/2026 tăng mạnh 167% YoY nhờ doanh thu khả quan của mảng máy tính xách tay và thiết bị văn phòng, biên lợi nhuận gộp cải thiện
FPT	15%	14%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS quý 2/2026 tăng 14% YoY, nhìn chung phù hợp với dự báo; doanh thu kỳ mới mảng CNTT nước ngoài phục hồi từ mức nền thấp

FRT	119%	44%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS quý 2/2026 tăng mạnh 188% YoY, nhờ lợi nhuận của Long Châu tăng trưởng tích cực
MSN (2)		42%	MUA		
MCH	12%	14%	PHTT		Doanh thu và lợi nhuận Q2 2026 phục hồi YoY từ nền thấp nhưng thấp hơn kỳ vọng
MWG	88%	18%	MUA		Doanh thu tăng 30% YoY trong Q2 2026, doanh thu/cửa hàng BHX cải thiện; LNST 6T gần gấp đôi YoY
PNJ	11%	11%	PHTT		Ghi nhận lỗ ròng 283 tỷ đồng trong quý 2/2026, chủ yếu do trích lập dự phòng liên quan đến hoạt động mua lại
QNS	2%	33%	KQ		LNST Q2 2026 tăng 7% YoY, sửa thực vật tăng trưởng mạnh; giá đường thấp hạn chế lợi nhuận
SAB	18%	1%	MUA		Biên lợi nhuận gộp vẫn vững vàng nhưng chi phí A&P gây áp lực lên lợi nhuận quý 2
TLG	4%	20%	MUA		Tăng trưởng xuất khẩu tích cực hỗ trợ doanh thu 6 tháng đầu năm, KQKD nhìn chung phù hợp với kỳ vọng
VEA	17%	-7%	PHTT		Lợi nhuận quý 2 tăng 5% YoY trong bối cảnh lợi nhuận từ các công ty liên kết đi ngang
VHC	9%	7%	MUA	KQ	Lợi nhuận quý 2 chịu áp lực do thu nhập tài chính ròng giảm và hoàn nhập dự phòng thu hẹp
VNM	38%	6%	MUA		LNST sơ bộ Q2 2026 tăng 28% YoY nhân kỷ niệm 50 năm
GTVT & Logistics					
ACV	11%	-3%	PHTT		LNST sau lợi ích CĐTS quý 2 tăng 29% YoY nhờ lãi tỷ giá và thu nhập từ công ty liên kết dù doanh thu hàng không hạ nhiệt; nhìn chung phù hợp với kỳ vọng
AST	52%	6%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS 6T tăng 52% YoY nhờ hoạt động kinh doanh cốt lõi tích cực và đóng góp từ công ty liên kết; vượt mức kỳ vọng
GMD (2)	22%	30%	MUA		Lợi nhuận báo cáo vượt dự báo nhờ khoản lãi thoái vốn một lần; lợi nhuận cốt lõi tăng 19% QoQ và 17% YoY, nhìn chung phù hợp với kỳ vọng
HVN	-43%	19%	PHTT		Quý 2 ghi nhận lỗ do cú sốc chi phí nhiên liệu dù doanh thu tăng trưởng mạnh; rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo
SCS	1%	-6%	PHTT		Lợi nhuận cải thiện so với quý trước từ mức nền thấp, nhưng giảm nhẹ so với cùng kỳ; phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi
VJC	4%	N.A	KQ		Gián đoạn tại Trung Đông và chi phí nhiên liệu ở mức cao ảnh hưởng đến lợi nhuận cốt lõi quý 2; giao dịch SALB & ROFR hỗ trợ doanh thu báo cáo
VTP	-40%	-16%	PHTT		Lợi nhuận tiếp tục suy yếu do mức giảm của biên lợi nhuận mảng dịch vụ và sự gia tăng của chi phí bán hàng & quản lý doanh nghiệp
Bất động sản					
DXG	-30%	-4%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS 6T 2026 giảm 30% YoY do biên lợi nhuận thu hẹp
DXS	-40%	15%	KQ		Hoạt động môi giới chậm lại và các khoản trích lập dự phòng khiến KQKD quý 2 thấp hơn kỳ vọng
HDC	41%	-51%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTS quý 2/2026 được hỗ trợ bởi khoản thu nhập khác; đã nhận đủ số tiền từ việc chuyển nhượng dự án Đại Dương
NVL	N.M.	-23%	MUA		Lợi nhuận nửa đầu năm vượt dự báo cả năm 2026 nhờ khoản lãi thoái vốn trong quý 2
KDH	218%	52%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS nửa đầu năm 2026 tăng mạnh 221% YoY nhờ khoản lãi thoái vốn bất thường

NLG	-53%	-18%	MUA		Doanh số bán BĐS và lợi nhuận quý 2 thấp hơn dự kiến; dự báo đang được xem xét
VHM	372%	31%	PHTT		Giao dịch bán lô lớn thúc đẩy KQKD 6T 2026, với LNST sau lợi ích CĐTS và doanh số bán BĐS hoàn thành lần lượt 88% và 52% dự báo cả năm
VIC	182%	132%	BÁN		Doanh thu mảng BĐS tăng trưởng mạnh và khoản lãi từ việc chuyển nhượng mảng sản xuất của VinFast giúp bù đắp khoản lỗ mảng công nghiệp cao hơn dự kiến trong quý 2/2026
VRE	33%	-14%	PHTT		LNST sau lợi ích CĐTS nửa đầu năm 2026 tăng mạnh 33% YoY, phù hợp với kỳ vọng
Khu công nghiệp					
GVR	73%	15%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTS 6T 2026 tăng 73% YoY chủ yếu nhờ thu nhập thuần khác, vượt kỳ vọng của chúng tôi
IDC	37%	3%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTS 6T 2026 tăng 37% YoY nhờ lượng bán giao đất KCN cao hơn; doanh số cho thuê đất KCN phục hồi đúng kỳ vọng
KBC	-80%	15%	MUA		Lợi nhuận 6T 2026 giảm mạnh 80% YoY chủ yếu do lượng đất KCN bán giao thấp và chi phí tài chính ở mức cao
PHR	245%	118%	MUA		Thu nhập từ bồi thường đất thúc đẩy lợi nhuận 6T 2026 tăng mạnh 245% YoY, phù hợp với kỳ vọng
SIP	18%	6%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS 6T 2026 tăng 18% YoY, nhìn chung phù hợp với kỳ vọng
SZC	-84%	-59%	KQ		Lợi nhuận nửa đầu năm 2026 sụt giảm mạnh so với cùng kỳ do thay đổi phương pháp ghi nhận doanh thu, trong khi doanh số cho thuê đất KCN phục hồi mạnh
Vật liệu & Công nghiệp					
ACG (2)	27%	19%	MUA		Doanh thu tiếp tục vượt kỳ vọng nhờ doanh số trong nước tích cực trong quý 2, lợi nhuận cốt lõi nhìn chung phù hợp với dự báo
BMP	9%	5%	MUA		Lợi nhuận thiết lập kỷ lục mới nhờ biên lợi nhuận ròng đạt mức cao nhất trong một thập kỷ, bù đắp cho mức sụt giảm mạnh về sản lượng; phù hợp với kỳ vọng
DGC	-52%	-33%	MUA	KQ	LNST sau lợi ích CĐTS 6T 2026 giảm 52% YoY do sản lượng giảm YoY và áp lực chi phí; kế hoạch ĐHCĐ năm 2026 cho thấy rủi ro giảm dự báo
DHC	99%	3%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS quý 2 tăng hơn 2 lần YoY nhờ giá giấy tích cực và biên lợi nhuận mở rộng; KQKD 6 tháng đầu năm vượt đáng kể so với kỳ vọng
HPG (2)	49%	42%	MUA		Lợi nhuận cốt lõi quý 2 tiếp tục tăng trưởng với biên lợi nhuận tiếp tục cải thiện; phù hợp với kỳ vọng
HSG (1)	5%	-5%	PHTT		LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi quý 3 tăng mạnh nhờ biên lợi nhuận cải thiện đáng kể; tiềm năng điều chỉnh tăng dự báo ngắn hạn nhưng triển vọng dài hạn không thay đổi
NKG	102%	480%	PHTT		Lợi nhuận quý 2/2026 tăng mạnh nhờ sản lượng phục hồi và biên lợi nhuận cải thiện; tuy nhiên, lợi nhuận 6T vẫn thấp hơn so với dự báo
PTB	17%	-19%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTS nửa đầu năm tăng 17% YoY; tiềm năng điều chỉnh tăng đối với dự báo
STK	N.M.	231%	KQ		Sự phục hồi của sản lượng vẫn chưa đủ bù đắp gánh nặng khấu hao và chi phí lãi vay từ Unitex
Điện & Nước					
BWE (2)	8%	-8%	MUA		Lợi nhuận mảng nước tích cực trong nửa đầu năm bù đắp cho mức lợi nhuận giảm từ các mảng khác

GEX	-19%	1%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS quý 2 giảm so với cùng kỳ do chi phí lãi vay cao dù lợi nhuận của GEE/VGC tăng mạnh; không có thay đổi đáng kể đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2026
HDG	-27%	22%	KQ		
NT2	60%	-6%	MUA	MUA	Sản lượng điện thương phẩm tăng mạnh 57% YoY thúc đẩy tăng trưởng LNST; tiềm năng điều chỉnh tăng
PC1	72%	N/A	N/A		
POW	350%	20%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi 6T 2026 tăng gấp đôi YoY, hoàn thành 115% dự báo năm 2026 của chúng tôi; triển vọng 6T cuối năm tích cực, tiềm năng điều chỉnh tăng đáng kể
PPC	184%	99%	KQ		LNST báo cáo 6T 2026 tăng 2,8 lần YoY nhờ thu nhập cố tức; lợi nhuận mảng phát điện vẫn thấp hơn kỳ vọng
QTP	44%	-35%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS 6T 2026 tăng 44% YoY nhờ chênh lệch giá mở rộng; vượt kỳ vọng
REE	9%	17%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS quý 2 tăng 9% YoY bất chấp El Nino
TDM (2)	-47%	0%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTS 6T 2026 hoàn thành 64% dự báo cả năm, phù hợp kỳ vọng.
TV2	370%	46%	KQ		LNST 6T 2026 tăng gấp 3 lần YoY, khoản trả trước lớn từ khách hàng hỗ trợ doanh thu EPC, tiềm năng điều chỉnh tăng dự báo
DPG	12%	-4%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS 6T 2026 hoàn thành 49% dự báo cả năm, nhìn chung phù hợp kỳ vọng
VGC	3%	12%	MUA		LNST quý 2 tăng trưởng nhờ diện tích bàn giao KCN tăng gấp đôi so với cùng kỳ và đã phục hồi đúng tiến độ của mảng VLXD, phù hợp với kỳ vọng
Dầu khí					
BSR	1194%	289%	PHTT	MUA	LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo 6T 2026 tăng 13 lần YoY nhờ biên lợi nhuận vượt trội; cao hơn kỳ vọng
DCM (2)	55%	61%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS quý 2 +36% YoY, +36% QoQ nhưng có rủi ro điều chỉnh giảm dự báo LNST 2026
DPM	117%	82%	PHTT		LNST quý 2 tăng 2,3 lần YoY; tuy nhiên, dự báo LNST năm 2026 đối mặt với rủi ro giảm
GAS	17%	10%	MUA		LNST cốt lõi quý 2 tăng 59% YoY, tiềm năng điều chỉnh tăng nhẹ với dự báo cốt lõi
OIL (2)	95%	39%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo 6T 2026 tăng 84% YoY dù ghi nhận lỗ trong quý 2, kết quả nhìn chung cao hơn nhẹ so với kỳ vọng
PLX (2)	39%	19%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS 6T tăng 36% YoY nhờ hoàn nhập dự phòng và sản lượng bán tăng; kết quả nhìn chung cao hơn nhẹ so với kỳ vọng
PLC	186%	834%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS 6T 2026 tăng gần gấp 3 lần YoY nhờ biên lợi nhuận mở rộng; tiềm năng điều chỉnh tăng dự báo
PVD (2)	70%	55%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi 6T 2026 tăng 66% YoY, trong khi quý 2 giảm 11% YoY; thấp hơn dự báo
PVS (2)	-32%	6%	MUA	MUA	LNST 6T 2026 tăng 37% YoY; LNST cốt lõi nhìn chung phù hợp với kỳ vọng
PVT (2)	64%	49%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi 6T 2026 tăng 64% YoY nhờ giá cước tàu chở dầu tăng và đội tàu mở rộng; cao hơn nhẹ so với kỳ vọng

(*) Ghi chú: Chúng tôi sẽ cập nhật kết quả của từng công ty khi KQKD được công bố. (1) Năm tài chính của HSG bắt đầu từ ngày 01/10 đến ngày 30/09. Do đó KQKD quá khứ trên là tăng trưởng của EPS quý 2 + quý 3 năm tài chính 2026. (2) Dựa trên LN cốt lõi, không bao gồm các khoản bất thường.

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Δ
VNIndex	1.765,63	-27,55
VN 30	1.909,23	-27,23
VN Mid	1.930,55	-21,85
VNSmall	1.260,33	-8,05

Sàn GDCK Hà Nội (HNX)

	Điểm	Δ
HNXINDEX	283,34	-5,11
HNX30	461,21	-3,96
VNX Allshare	2.830,57	-39,83

Sàn Upcom (UPCOM)

	Điểm	Δ
UpCom	128,06	0,55

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	2.349,6	12,6%
Khối ngoại mua	2.275,5	12,2%
Khối ngoại bán	2.848,7	15,2%
Tổng giao dịch	18.685,9	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	178,7	17,3%
Khối ngoại mua	28,4	2,8%
Khối ngoại bán	25,4	2,5%
Tổng giao dịch	1.030,7	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	62,1	17,4%
Khối ngoại mua	19,8	5,5%
Khối ngoại bán	8,0	2,2%
Tổng giao dịch	357,7	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
ANT	1.250	6,7%
SBT	1.400	6,5%
TLG	2.800	5,5%
DGW	2.150	5,2%
TDP	1.300	4,5%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
HHC	7.000	8,2%
NTP	3.000	6,2%
IDJ	100	2,7%
TIG	100	1,7%
KSV	1.800	1,5%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
TRV	1.129	11,0%
TIN	9.892	9,0%
CNN	2.639	4,8%
VG	452	4,0%
VNZ	22.945	3,9%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
GEE	-3.800	-5,1%
HQC	-100	-4,4%
VCK	-1.300	-4,2%
EIB	-700	-3,9%
VIC	-7.600	-3,5%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
L14	-1.800	-7,6%
EVS	-300	-5,2%
SHN	-400	-5,1%
THD	-7.300	-4,9%
NDN	-300	-3,3%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
LLM	-1.260	-3,2%
SBS	-99	-2,1%
HBC	-81	-1,9%
SCL	-401	-1,7%
VLC	-201	-1,6%

(*) GT vốn hóa > 500 tỷ đồng VND, Giá trị GD > 1,5 tỷ đồng

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
VIC	1.174,7
TCB	1.135,3
VIX	938,9
SSI	910,9
SHB	714,8

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
SHS	267,9
MBS	110,2
PMC	88,1
CEO	73,6
KSF	69,4

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
MSR	79,4
ABB	42,6
VGI	27,2
AAS	24,6
ACV	17,7

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
TEG	5.068.309	310.131
DRH	1.095.800	163.473
VAB	9.148.340	1.803.752
TLG	492.097	98.831
TCO	1.467.807	320.772
DGW	4.217.585	980.782
VHC	1.294.898	313.922
DHM	306.456	86.140
MSB	42.482.031	12.067.860
FIR	788.864	253.960

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
NTP	652.419	87.018
SVN	1.389.122	443.245
AMV	1.279.725	464.392
L14	216.143	78.990
PVB	196.822	74.964
MST	5.906.208	2.554.197
IDJ	880.689	381.135
API	257.219	111.351
NDN	278.702	152.880
PSD	142.312	89.557

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
VG	1.064.232	243.397
AAH	1.947.225	462.422
KVC	502.527	164.770
TVN	1.139.369	510.904
C4G	551.769	258.558
MSR	1.752.441	1.004.682
DRI	631.878	447.444
ABB	2.539.091	1.978.567
QNS	124.878	109.387
TOS	68.463	59.984

(*) Có ít nhất 50.000 cổ phiếu giao dịch trong phiên hôm nay

Top 5 mã vốn hóa lớn nhất của mỗi ngành

Dịch vụ tài chính **

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.507		14,7	2,0	14,1%
TCX	4.248	90,9%	17,9	2,4	13,7%
VCK	2.749	96,3%	15,4	2,3	17,2%
SSI	2.393	69,8%	11,7	1,5	13,4%
VPX	1.816	95,9%	8,8	1,3	16,2%
HCM	1.328	14,9%	19,6	2,4	9,8%

Bảo hiểm

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	594		11,3	1,4	13,0%
BVH	1.861	21,6%	14,7	1,9	13,2%
PVI	657	43,1%	13,0	1,9	15,2%
BIC	166	7,6%	10,1	1,3	13,1%
VNR	149	22,8%	8,4	0,9	11,3%
MIG	135	82,9%	10,6	1,3	12,4%

Công nghiệp

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.655		14,3	3,4	25,6%
ACV	5.633	47,3%	13,2	2,0	15,8%
MVN	2.810	0,0%	26,6	4,7	19,0%
VEA	1.779	47,6%	6,0	2,0	28,0%
GEE	1.753	48,9%	12,9	5,7	45,6%
GMD	1.301	8,9%	13,0	2,5	19,4%

Hàng tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.721		17,8	4,2	24,6%
MCH	6.851	84,5%	25,2	9,6	40,1%
VNM	4.928	50,5%	11,7	4,0	33,9%
MSN	3.779	75,9%	14,6	2,5	19,4%
SAB	2.251	41,2%	12,3	3,0	22,3%
SBT	798	80,4%	25,1	1,8	7,3%

Dầu khí

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.735		13,5	1,4	13,8%
BSR	5.079	47,8%	6,7	1,8	30,2%
PLX	1.731	5,8%	14,0	1,8	12,5%
PVS	685	33,4%	8,5	1,2	13,9%
PVD	650	41,3%	15,3	1,0	6,5%
OIL	529	6,4%	22,7	1,3	5,7%

Tiện ích

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.349		11,2	2,1	19,5%
GAS	7.195	46,9%	14,8	2,7	18,9%
POW	1.585	45,5%	6,4	1,0	16,5%
REE	1.111	0,0%	11,0	1,3	12,6%
PGV	1.029	50,0%	5,5	1,5	28,3%
DNH	825	0,0%	18,3	3,9	21,3%

Bất động sản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	18.262		89,2	5,4	28,6%
VIC	61.771	44,8%	71,2	9,5	14,8%
VHM	22.577	43,2%	7,4	2,3	32,7%
KSF	2.755	50,0%	4,7	3,4	77,4%
VRE	2.140	37,7%	7,7	1,1	15,0%
THD	2.069	48,9%	355,0	10,7	3,3%

Ngân hàng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	11.156		8,2	1,5	19,1%
VCB	19.030	9,9%	11,9	2,0	17,9%
BID	10.826	12,5%	8,5	1,5	18,2%
CTG	9.558	5,3%	6,2	1,3	21,9%
TCB	8.598	1,9%	8,3	1,3	15,7%
MBB	7.766	1,0%	6,2	1,4	21,6%

Dịch vụ tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.393		28,0	4,6	26,4%
VPL	5.286	42,7%	46,3	3,1	7,7%
MWG	4.158	0,0%	11,0	3,0	29,2%
VJC	3.677	23,8%	44,1	3,7	8,6%
HVN	2.841	21,4%	15,2	7,8	58,8%
FRT	1.005	15,8%	23,1	5,5	27,5%

Vật liệu cơ bản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.146		20,2	2,7	21,3%
HPG	7.013	27,3%	7,9	1,3	17,4%
GVR	4.999	12,4%	18,3	2,2	12,2%
MSR	1.676	99,7%	56,6	3,4	0,0%
KSV	1.401	0,0%	10,4	5,5	62,9%
DGC	638	45,1%	7,8	1,1	13,8%

Y tế

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	248		35,5	2,9	15,7%
DHG	475	46,0%	12,9	3,6	24,1%
IMP	222	5,4%	16,1	2,5	15,6%
DHT	193	9,3%	125,8	4,6	3,7%
DBD	178	83,4%	16,1	2,7	16,6%
DVN	169	-0,0%	6,6	1,2	18,4%

Công nghệ

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	993		20,6	1,4	10,7%
FPT	4.541	21,5%	11,8	3,0	26,5%
CMG	217	13,6%	14,4	1,7	12,3%
SAM	90	48,5%	20,8	0,6	2,8%
ELC	65	45,8%	12,8	1,3	10,5%
SGT	54	-5,5%	43,3	0,6	1,5%

Nguồn: Fiinpro, Vietcap

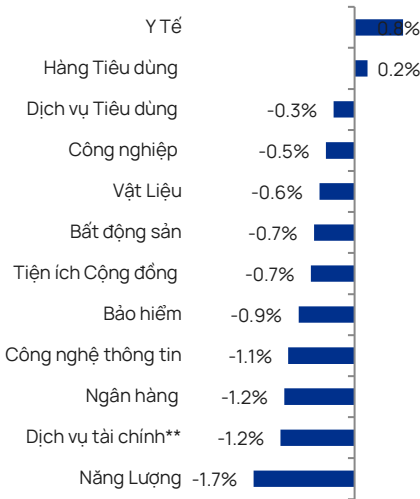
* Phân ngành theo ICB, GT vốn hóa (triệu USD), FOL còn lại (%)

** ngoại trừ ngân hàng

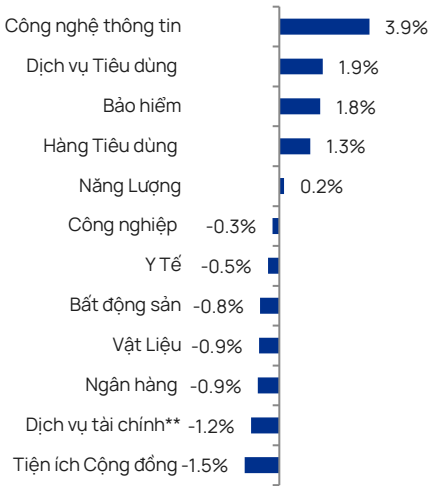
Diễn biến hàng ngày theo ngành

Sàn giao dịch chứng khoán

Tp. Hồ Chí Minh (HSX)

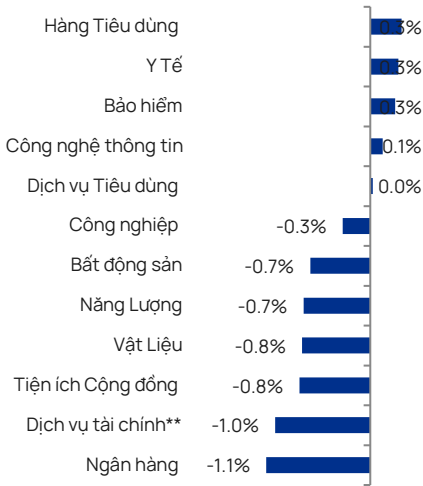


Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)

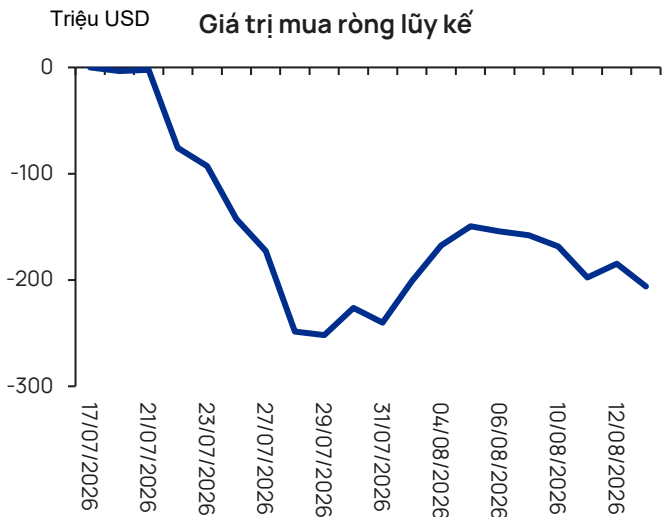


Sàn giao dịch chứng khoán

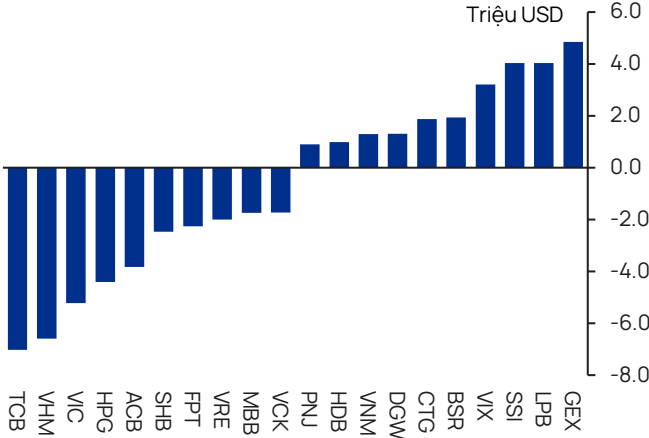
Tp. Hồ Chí Minh và Hà Nội (HSX+HNX)



GTGD của khối ngoại cộng dồn trong 20 ngày
(HSX, HNX, UPCOM)



Các mã khối ngoại mua ròng và bán ròng cao nhất nhất
(HSX, HNX, UPCOM) trong ngày

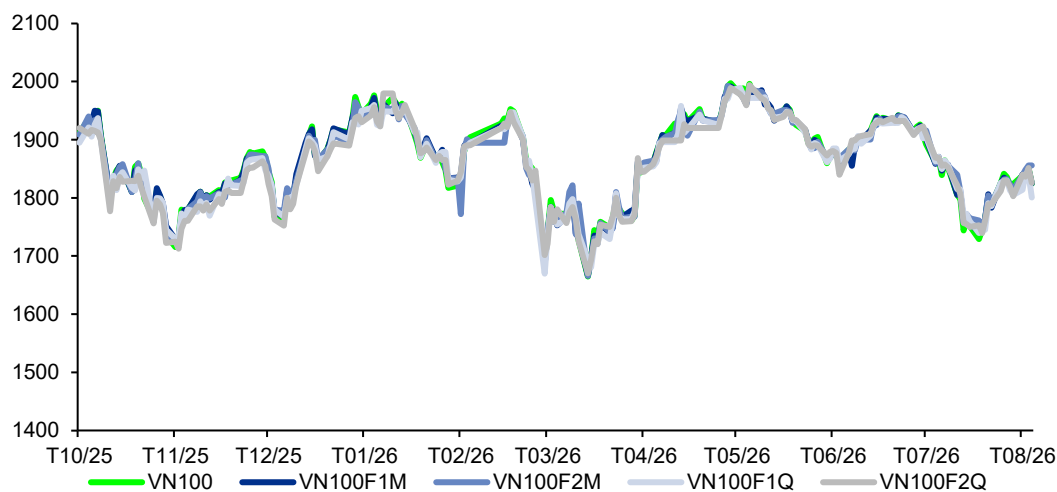
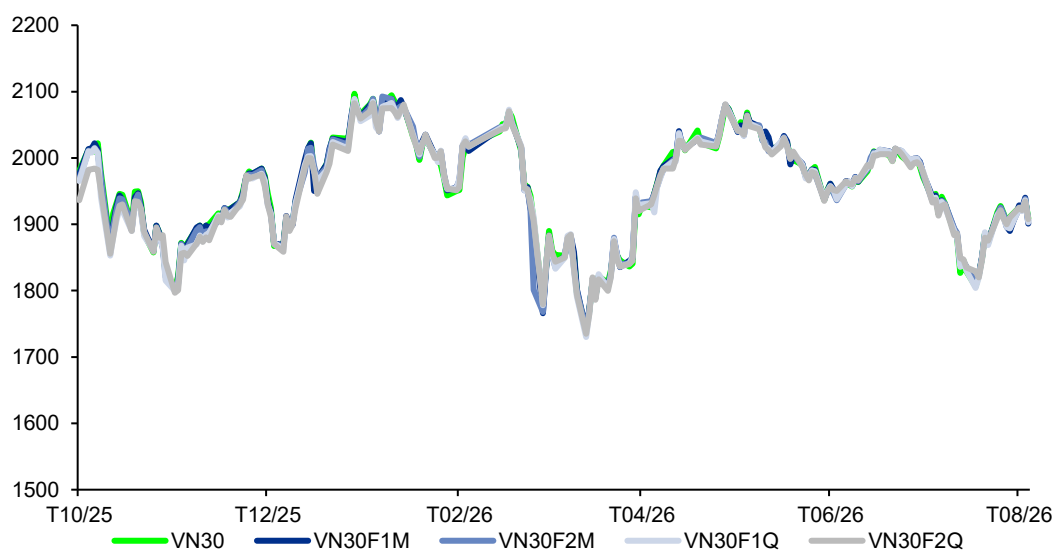


Nguồn: HSX, HNX, Fiinpro
** ngoại trừ ngân hàng

Giao dịch Phái sinh

Hợp đồng	Giá	Net Δ	% Δ	Chênh lệch
VN30F1M	1.901,1	-38,9	-2,0%	-8,1
VN30F2M	1.905,3	-32,7	-1,7%	-3,9
VN30F1Q	1.903,0	-33,0	-1,7%	-6,2
VN30F2Q	1.907,9	-26,2	-1,4%	-1,3
VN100F1M	1.825,1	-24,0	-1,3%	0,6
VN100F2M	1.855,9	0,0	0,0%	31,4
VN100F1Q	1.800,6	-39,9	-2,2%	-23,9
VN100F2Q	1.825,9	-25,6	-1,4%	1,4

Hợp đồng	Khối lượng	% Δ	KL giao dịch	%Δ
VN30F1M	33.220	9,3%	220,29	-3,0%
VN30F2M	3.343	7,4%	0,79	3,3%
VN30F1Q	836	-0,6%	0,06	200,0%
VN30F2Q	219	5,3%	0,05	-13,2%
VN100F1M	48	-2,0%	0,04	6,1%
VN100F2M	12	0,0%	0,00	-100,0%
VN100F1Q	25	0,0%	0,00	300,0%
VN100F2Q	14	0,0%	0,00	0,0%

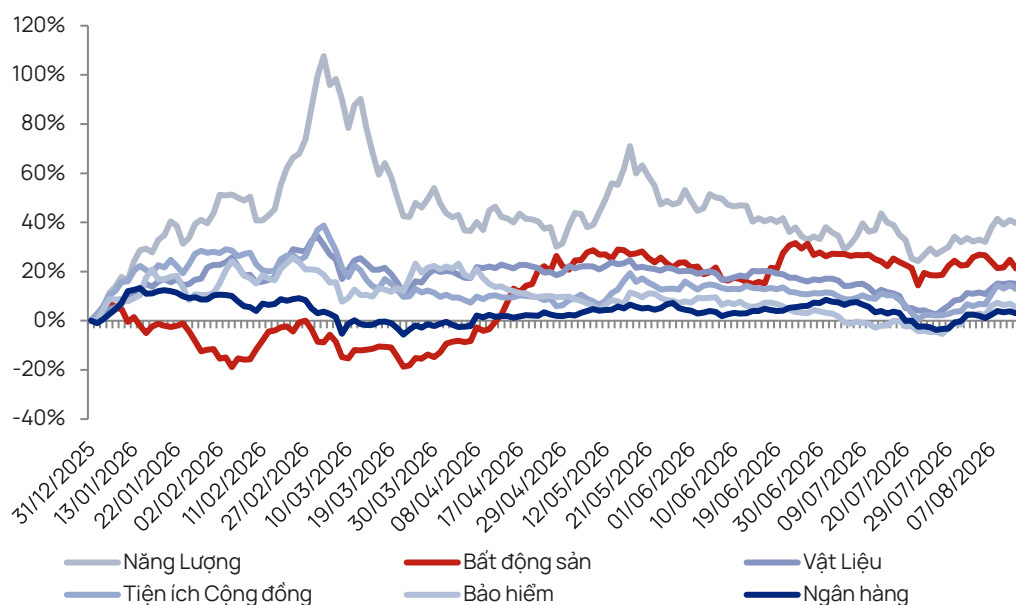


Nguồn: Fiinpro, Vietcap

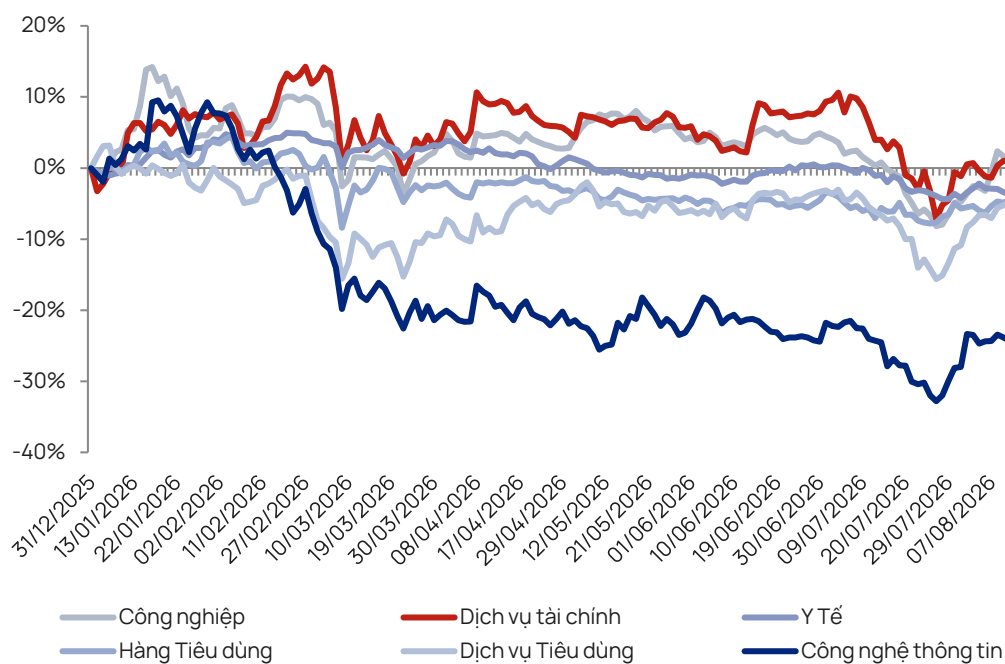
Ghi chú: F1M = hợp đồng đáo hạn trong 1 tháng
 F2M = hợp đồng đáo hạn trong 2 tháng
 F1Q = hợp đồng đáo hạn trong 1 quý
 F2Q = hợp đồng đáo hạn trong 2 quý

Diễn biến theo ngành có trọng số YTD trên sàn 3 sàn

6 nhóm ngành tích cực nhất*



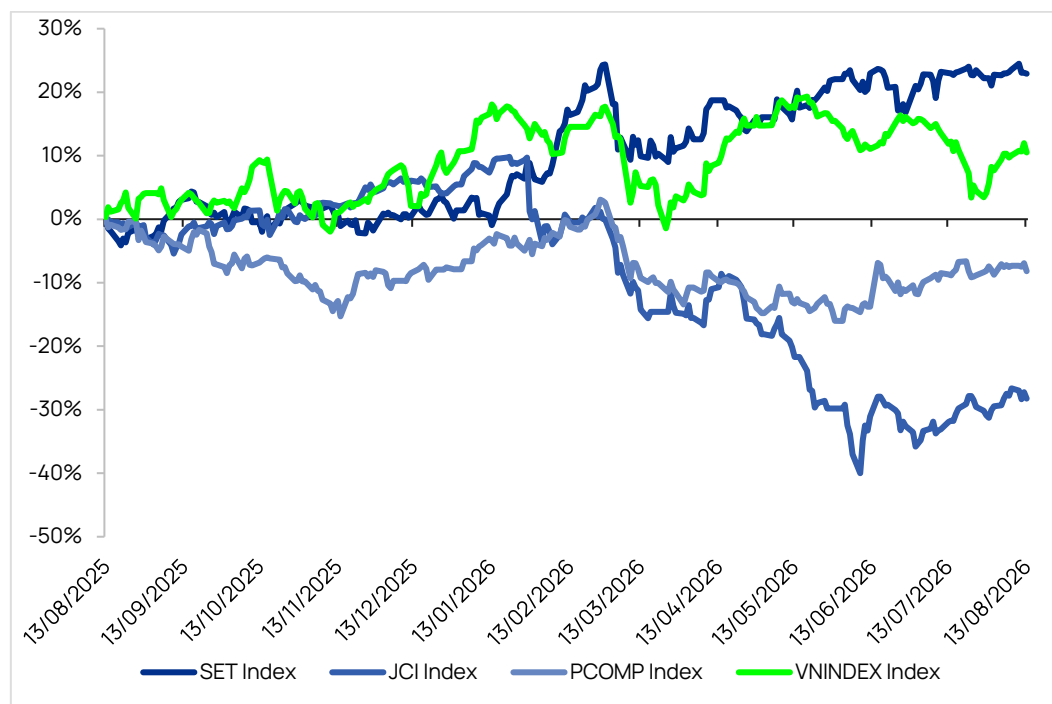
6 nhóm ngành kém tích cực nhất*



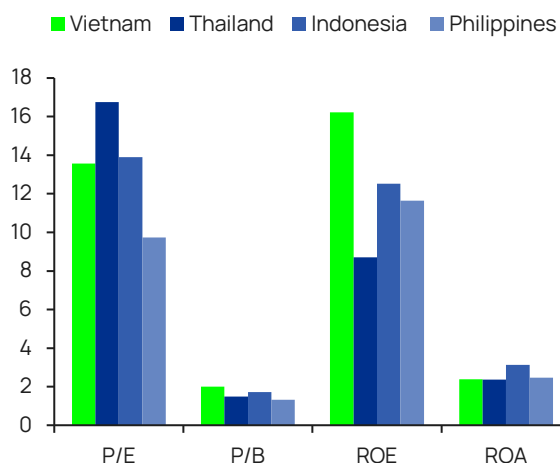
Nguồn: Fiinpro, Vietcap

* Phân ngành theo ICB

Diễn biến các thị trường trong khu vực



Ghi chú: dựa theo giá trị đồng tiền của các quốc gia tương ứng



	Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
	SET Index	JCI Index	PCOMP Index	VN- Index
P/E	16,8	13,9	9,7	13,6
P/B	1,5	1,7	1,3	2,0
ROE (%)	8,7	12,5	11,6	16,2
ROA (%)	2,4	3,1	2,5	2,4
Giá trị vốn hóa, tỷ USD	611,7	605,1	147,7	325,1
GTGD trung bình, tr USD	1.644,1	1.161,1	81,3	912,8
Mua ròng khối ngoại - YTD, tr USD	2.064,3	-4.071,7	-250,0	-3.328,7
Mua ròng khối ngoại - 5 ngày, tr USD	(104,8)	118,1	(62,0)	(34,0)
Lợi suất TPCP 5 năm	1,58%	7,16%	6,90%	4,25%

Nguồn: Bloomberg, Vietcap

Ghi chú: Nếu tỷ lệ P/E, ROE, ROA là N/A, cột P/E, ROE, ROA tương ứng sẽ không thể hiện

Dữ liệu P/E sử dụng lợi nhuận pha loãng

Liên hệ

CTCP Chứng khoán Vietcap (Vietcap)

www.vietcap.com.vn

Trụ sở chính (1): Bitexco

Tháp tài chính Bitexco, tầng 15,
Số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 3914 3588

Trụ sở chính (2): Nguyễn Huệ

Tòa nhà Vinatex, Tầng 3, Số 10 Nguyễn Huệ,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
+84 28 8882 6868

Phòng giao dịch Hàm Nghi

Tòa nhà Doji, tầng 16, số 81-83-83B-85 Hàm Nghi,
Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 8882 6868

Chi nhánh Hà Nội

109 Trần Hưng Đạo, tầng 6
Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội
+84 24 6262 6999

Phòng giao dịch Mỹ Đình

SAP.A09 Tòa A – Chung cư cao tầng HH2-1 (The Matrix One)
Phường Từ Liêm, Tp. Hà Nội (Số 1 Lê Quang Đạo)
+84 28 8882 6868

Phòng Nghiên cứu và Phân tích

Research Team: +84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Hoàng Nam

Giám đốc, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Nghân hàng, Chứng khoán và Bảo hiểm

Huỳnh Thị Hồng Ngọc,

Trưởng phòng, ext 138

- Vũ Thế Quân, Trưởng phòng, ext 364

- Hồ Thu Nga, Chuyên viên, ext 516

- Đinh Kiến Vương, Chuyên viên, ext 468

Vĩ mô

Hoàng Thúy Lương

Trưởng phòng cao cấp, ext 368

- Đào Minh Quang, Chuyên viên, ext 365

Hàng tiêu dùng

Bùi Nguyên Cẩm Giang

Trưởng phòng cao cấp, ext 125

- Bùi Xuân Vĩnh, Chuyên viên cao cấp, ext 584

- Lý Phúc Thanh Ngân, Chuyên viên cao cấp, ext 532

- Nguyễn Thảo Nguyên, Chuyên viên, ext 268

Dầu khí, Điện và Nước

Đinh Thị Thùy Dương

Phó Giám đốc, ext 140

- Dương Tấn Phước, Chuyên viên cao cấp, ext 135

- Phạm Phú Lộc, Chuyên viên, ext 549

Bất động sản

Lưu Bích Hồng

Trưởng phòng cao cấp, ext 120

- Thân Như Đoàn Thực, Chuyên viên cao cấp, ext 174

- Đỗ Công Anh Tuấn, Chuyên viên cao cấp, ext 181

Công nghiệp và Cơ sở hạ tầng

Nguyễn Thảo Vy

Trưởng phòng cao cấp, ext 147

- Nguyễn Thị Ngọc Hân, Chuyên viên, ext 191

- Hoàng Gia Huy, Chuyên viên, ext 526

Khách hàng cá nhân

Vũ Minh Đức - Phó Giám đốc, ext 363

- Nguyễn Quốc Nhật Trung, Trưởng phòng, ext 129

- Tống Hoàng Trâm Anh, Phó Trưởng phòng, ext 366

- Lê Hải Đăng, Chuyên viên, ext 570

- Võ Phan Hồng Kiệt, Chuyên viên, ext 470

Phòng Tư Vấn Đầu Tư và Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức

Anthony Le

Giám đốc

Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Châu Thiên Trúc Quỳnh

Giám đốc điều hành

Phòng Tư Vấn Đầu Tư

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn

Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Phương pháp định giá và Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Nội dung chính trong hệ thống khuyến nghị: Khuyến nghị được đưa ra dựa trên mức tăng/giảm tuyệt đối của giá cổ phiếu để đạt đến giá mục tiêu, được xác định bằng công thức (giá mục tiêu - giá hiện tại) / giá hiện tại và không liên quan đến hoạt động thị trường. Công thức này được áp dụng từ ngày 1/1/2014.

Các khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ trên 20%
KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dương từ 10%-20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dao động giữa âm 10% và dương 10%
KÉM KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm từ 10-20%
BÁN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm trên 20%
KHÔNG ĐÁNH GIÁ	Bộ phận nghiên cứu đang hoặc có thể sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do tự nguyện hoặc chỉ để tuân thủ các quy định của luật và/hoặc chính sách công ty trong trường hợp nhất định, bao gồm khi Vietcap đang thực hiện dịch vụ tư vấn trong giao dịch sáp nhập hoặc chiến lược có liên quan đến công ty đó.
KHUYẾN NGHỊ TẠM HOÃN	Hình thức đánh giá này xảy ra khi chưa có đầy đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không còn hiệu lực đối với cổ phiếu này.

Trừ khi có khuyến cáo khác, những khuyến nghị đầu tư chỉ có giá trị trong vòng 12 tháng. Những biến động giá trong tương lai có thể làm cho các khuyến nghị tạm thời không khớp với mức chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu và giá mục tiêu nên việc diễn giải các khuyến nghị đầu tư cần được thực hiện một cách linh hoạt.

Rủi ro: Tình hình hoạt động trong quá khứ không nhất thiết sẽ diễn ra tương tự cho các kết quả trong tương lai. Tỷ giá ngoại tệ có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá trị, giá hoặc lợi nhuận của bất kỳ chứng khoán hay công cụ tài chính nào có liên quan được nói đến trong báo cáo này. Để được tư vấn đầu tư, thực hiện giao dịch hoặc các yêu cầu khác, khách hàng nên liên hệ với đơn vị đại diện kinh doanh của khu vực để được giải đáp.

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này, Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành, Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước, Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này, Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt, Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.